

Tài liệu
Hướng
dẫn cho
Bên vay

Khung Môi trường và
Xã hội cho các Dự
án đầu tư

TCMT

**XH1: Đánh giá và
Quản lý Các rủi ro và
Tác động Môi
trường và Xã hội**

Các Tài liệu Hướng dẫn này nhằm mục đích hướng dẫn cho Bên vay về cách áp dụng các Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (TCMTXH) thuộc Khung Môi trường và Xã hội năm 2016 của Ngân hàng Thế giới. Các Tài liệu Hướng dẫn giúp giải thích các yêu cầu của các TCMTXH; những hướng dẫn này không phải là chính sách của Ngân hàng và cũng không có tính bắt buộc. Các Tài liệu Hướng dẫn không thay thế sự cần thiết phải đánh giá kỹ lưỡng khi đưa ra các quyết định liên quan đến dự án. Nếu có bất kỳ chi tiết nào không thống nhất giữa Các Tài liệu Hướng dẫn và các TCMTXH thì các quy định trong TCMTXH sẽ được áp dụng. Mỗi đoạn trích dẫn từ TCMTXH đều được in trong khung, và có chú giải tương ứng ở dưới.

Giới thiệu.....	1
Mục tiêu.....	2
Phạm vi áp dụng	2
Yêu cầu.....	6
A. Sử dụng Khung Môi trường và Xã hội của Bên vay.....	9
B. Đánh giá Môi trường và Xã hội	12
C. Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội	22
D. Giám sát và Báo cáo dự án	24
E. Sự tham gia của các bên liên quan và công bố thông tin	26
PHỤ LỤC 1: Đánh giá Môi trường và Xã hội	26
PHỤ LỤC 2: Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội	26
PHỤ LỤC 3: Quản lý nhà thầu	26
Tài liệu tham khảo	26

Giới thiệu

1. TCMTXH1 quy định trách nhiệm của Bên vay trong việc đánh giá, quản lý và giám sát các rủi ro và tác động môi trường và xã hội gắn với từng giai đoạn của mỗi dự án do NHTG tài trợ theo phương thức Dự án đầu tư nhằm đạt được các kết quả về môi trường và xã hội theo các TCMTXH.

2. Các TCMTXH được xây dựng nhằm giúp Bên vay quản lý rủi ro và tác động của dự án và cải thiện hoạt động môi trường và xã hội thông qua phương pháp tiếp cận dựa vào rủi ro và kết quả. Các kết quả mong muốn về môi trường và xã hội đối với dự án được mô tả trong mục tiêu của mỗi TCMTXH, kèm theo những yêu cầu cụ thể nhằm giúp Bên vay đạt được những mục tiêu này qua các công cụ phù hợp với bản chất và quy mô dự án và tỷ lệ thuận với mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội.

3. Bên vay¹ sẽ thực hiện đánh giá môi trường và xã hội cho những dự án được đề nghị NHTG tài trợ nhằm bảo đảm các dự án đó tốt và bền vững về môi trường và xã hội. Mức độ đánh giá môi trường và xã hội sẽ tương ứng với mức độ rủi ro và tác động của dự án. Kết quả đánh giá sẽ cung cấp thông tin cho thiết kế dự án, được sử dụng để xác định các biện pháp và hành động giảm thiểu cũng như để nâng cao chất lượng ra quyết định.

Chú thích số 1. Trên thực tế Bên vay có thể không phải là đơn vị trực tiếp thực hiện dự án. Tuy nhiên, Bên vay sẽ có trách nhiệm bảo đảm dự án được chuẩn bị và thực hiện sao cho đáp ứng mọi yêu cầu của các TCMTXH theo phương thức và khung thời gian được NHTG chấp thuận. Bên vay cần bảo đảm mọi đơn vị tham gia thực hiện dự án làm đúng mọi nghĩa vụ và cam kết của Bên vay theo yêu cầu của các TCMTXH và các điều kiện riêng của thỏa thuận pháp lý, kể cả Kế hoạch Cam kết MTXH. Những nhà thầu được ký hợp đồng hay thay mặt Bên vay hoặc một đơn vị thực hiện dự án được hiểu là chịu sự quản lý trực tiếp của Bên vay.

4. Bên vay sẽ quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án trong suốt chu trình của dự án một cách có hệ thống, tương ứng với tính chất, quy mô của dự án, cũng như mức độ rủi ro và tác động tiềm tàng.

5. Khi đánh giá, xây dựng, thực hiện dự án được tài trợ theo phương thức Dự án đầu tư, khi cần thiết Bên vay có thể thống nhất với NHTG về việc áp dụng toàn bộ hay một phần khung pháp lý của quốc gia Bên vay về quản lý các rủi ro môi trường và xã hội, tác động của dự án nếu làm như vậy sẽ tạo điều kiện để dự án đạt được những mục tiêu phù hợp về căn bản với các TCMTXH.

6. Nội dung của TCMTXH1 kèm theo các phụ lục không tách rời sau, trong đó quy định chi tiết một số điều kiện:

Phụ lục 1: Đánh giá Môi trường và Xã hội;

Phụ lục 2: Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội; và

Phụ lục 3: Quản lý nhà thầu.

Mục tiêu

- Để xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án, phù hợp với TCMTXH.
- Áp dụng quy tắc về trình tự giảm thiểu nhằm:
 - (a) Dự báo và tránh các rủi ro và tác động;
 - (b) Nếu không thể tránh thì giảm thiểu hoặc giảm nhẹ các rủi ro và tác động về mức có thể chấp nhận được;
 - (c) Tiếp tục giảm hết các rủi ro và tác động sau khi đã giảm thiểu hoặc giảm nhẹ;
 - (d) Nếu còn rủi ro hay tác động tồn dư thì đền bù hay bù đắp nếu khả thi về mặt kỹ thuật² và kinh tế³;
- Sử dụng các biện pháp riêng biệt sao cho các tác động tiêu cực không ảnh hưởng không tương xứng đến những đối tượng bất lợi hoặc dễ bị tổn thương, và họ không bị thiệt thòi trong việc chia sẻ lợi ích phát triển và các cơ hội từ dự án;
- Sử dụng các thể chế, cơ chế, luật định, quy trình phù hợp của quốc gia về môi trường và xã hội trong quá trình đánh giá, xây dựng và thực hiện dự án;
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả hoạt động môi trường và xã hội theo hướng ghi nhận, tăng cường năng lực của Bên vay

Chú thích số 2. Tính khả thi về mặt kỹ thuật phụ thuộc vào việc những biện pháp và hành động đề xuất có thực hiện được với các kỹ năng, trang thiết bị, vật tư có sẵn trên thị trường hay không, có tính đến những đặc điểm địa phương như khí hậu, địa lý, dân cư, cơ sở hạ tầng, an ninh, cơ chế quản lý, năng lực, độ ổn định của hoạt động.

Chú thích số 3. Tính khả thi về mặt tài chính phụ thuộc vào những yếu tố tài chính liên quan như mức độ tăng chi phí tương đối do áp dụng các biện pháp và hành động đó so với kinh phí đầu tư, vận hành, bảo trì của dự án, cũng như việc chi phí tăng như vậy có khiến dự án không còn bảo đảm tính khả thi đối với Bên vay hay không.

Phạm vi áp dụng

7. TCMTXH1 áp dụng cho mọi dự án^{4,5} được NHTG hỗ trợ⁶ theo phương thức Dự án đầu tư⁷.

Chú thích số 5. Những dự án này có thể bao gồm hỗ trợ kỹ thuật của NHTG dưới hình thức Dự án đầu tư, dù dưới hình thức một dự án đơn lẻ hay trong khuôn khổ một dự án khác. Các yêu cầu nêu tại các Khoản từ 14 đến 18 của TCMTXH1 sẽ áp dụng cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, tùy vào tính chất của các rủi ro và tác động. Điều khoản tham chiếu, kế hoạch triển khai hay các văn bản khác có xác định phạm vi và sản phẩm của các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật sẽ được dự thảo sao cho ý kiến tư vấn và các hỗ trợ khác phù hợp với các Tiêu chuẩn từ TCMTXH1 đến TCMTXH10. Các hoạt động được Bên vay thực hiện sau khi dự án hoàn thành và không được NHTG tài trợ, hoặc các hoạt động không liên quan trực tiếp đến hỗ trợ kỹ thuật sẽ không phải áp dụng chính sách môi trường và xã hội này của NHTG cho các dự án đầu tư.

Chú thích số 6. Theo quy định của Chính sách Môi trường và Xã hội đối với Dự án đầu tư của Ngân hàng Thế giới, Khoản 7, NHTG sẽ chỉ hỗ trợ những dự án tuân thủ và nằm trong khuôn khổ quy định

tại Điều lệ tổ chức của NHTG.

Chú thích số 7. Trường hợp dự án có điều khoản bảo lãnh theo OP 10.00, Phạm vi áp dụng của các TCMTXH sẽ tùy thuộc vào các hoạt động hay cam kết xác định theo thỏa thuận bảo lãnh.

GN7.1. Bên vay có thể sử dụng hình thức Tài trợ Dự án Đầu tư để cung cấp tài chính cho chương trình hỗ trợ kỹ thuật. Các sản phẩm và tài liệu chính thức thuộc chương trình hỗ trợ kỹ thuật phải áp dụng và nhất quán với các TCMTXH tương ứng. Hỗ trợ kỹ thuật có thể có nhiều hình thức khác nhau. Ví dụ, trợ giúp Bên vay lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế xây dựng, lập báo cáo đánh giá rủi ro môi trường và xã hội và các kế hoạch liên quan, hoặc nghiên cứu khả thi liên quan đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng, hoặc trợ giúp xây dựng chính sách, chiến lược, luật, hoặc những quy định có thể gây ra các tác động môi trường hay xã hội.

GN7.2 (Chú thích số 5). Việc áp dụng các TCMTXH cho hỗ trợ kỹ thuật thuộc hình thức Tài trợ Dự án Đầu tư còn tùy thuộc vào tính chất, mục đích và rủi ro của chương trình hỗ trợ kỹ thuật. Ví dụ như, một dự án có thể hỗ trợ kỹ thuật để tiến hành các nghiên cứu (chẳng hạn, nghiên cứu khả thi) liên quan đến cơ sở hạ tầng mà việc thi công hạ tầng đó có thể cần phải giải phóng mặt bằng. Trong ví dụ này, nghiên cứu khả thi phải được tiến hành sao cho nhất quán với các khía cạnh tương ứng trong TCMTXH5. Do đó, điều quan trọng đối với Bên vay là phải hiểu rõ các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của hoạt động được hỗ trợ trong chương trình hỗ trợ kỹ thuật. Từ đó có thể sử dụng các TCMTXH phù hợp và xây dựng Đề cương tham chiếu, kế hoạch công việc cũng như xác định các sản phẩm đầu ra của hỗ trợ kỹ thuật.

GN7.3. Năng lực để Bên vay đạt được các kết quả về môi trường và xã hội đôi khi phụ thuộc vào các hoạt động của các cơ quan chính phủ hoặc bên thứ ba, ví dụ như một cơ quan chính phủ là cơ quan pháp quy hoặc một bên tham gia trong hợp đồng liên quan nhiều đến dự án, hoặc đơn vị vận hành công trình, dự án liên quan. Đối với những cơ quan hay đơn vị này, Bên vay thường có các mức độ kiểm soát hoặc ảnh hưởng khác nhau. Ví dụ, năng lực theo luật định hoặc năng lực quản lý pháp quy của Bên vay có thể khá hạn chế đối với cơ quan chính phủ có thẩm quyền quản lý hoặc kiểm soát khu vực đất đai cần tiếp cận hoặc cần tiến hành các biện pháp giảm thiểu, hoặc đối với một đơn vị vận hành đường dây truyền tải điện. Nếu có thể, đánh giá môi trường và xã hội của dự án cần xác định và đánh giá những điểm hạn chế tiềm tàng của Bên vay trên phương diện này và xem xét các cách thức để hỗ trợ đạt được những kết quả môi trường và xã hội mong muốn.

8. “Dự án” ở đây chỉ các hoạt động được NHTG tài trợ theo đề xuất của Bên vay, như quy định tại Khoản 7, và như định nghĩa nêu trong hiệp định giữa Bên vay và NHTG⁸.

Chú thích số 8. Phạm vi hoạt động được hỗ trợ theo cơ chế Dự án đầu tư, cùng với quy trình phê duyệt, được quy định tại OP 10.00.

GN8.1. Mô tả rõ ràng các hoạt động của đề xuất dự án theo hình thức Tài trợ Dự án Đầu tư là cơ sở để đánh giá các rủi ro và tác động tiềm tàng về môi trường và xã hội, cũng như để áp dụng các TCMTXH. Nội dung mô tả các hoạt động dự án có thể được bổ sung trong thời gian chuẩn bị dự án, và việc này có thể ảnh hưởng đến hoạt động đánh giá các rủi ro và tác động. Thỏa thuận pháp lý giữa Ngân hàng với Bên vay sẽ mô tả các hoạt động được Ngân hàng cấp vốn.

9. Nếu NHTG đồng tài trợ dự án với các tổ chức đa phương hoặc song phương khác⁹ thì Bên vay sẽ phối hợp với NHTG và các tổ chức đó thống nhất về phương pháp chung để đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án. Quy trình chung nêu trên sẽ được chấp thuận nếu tạo điều kiện để dự án đạt được những mục tiêu phù hợp căn bản với các TCMTXH¹⁰. Sau đó, Bên vay phải áp dụng quy trình chung này cho dự án.

Chú thích số 9. Các tổ chức này gồm IFC và MIGA.

Chú thích số 10. Khi xác định xem phương pháp chung hay các yêu cầu đã nêu tại các Khoản 9, 12, 13 có được chấp thuận hay không, NHTG sẽ xem xét các chính sách, tiêu chuẩn, quy trình triển khai của các tổ chức tài trợ đa phương, song phương. Những biện pháp, giải pháp đã được thống nhất theo quy trình chung sẽ được đưa vào Kế hoạch Cam kết MTXH.

GN9.1. Cách tiếp cận chung là cách mô tả biện pháp tiếp cận và các yêu cầu đã được thống nhất với các cơ quan cấp vốn và với Bên vay liên quan đến việc đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án đề xuất. Điều này nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc hợp tác giữa Bên vay với Ngân hàng và các cơ quan cấp vốn khác; đồng thời tránh trùng lặp; và khuyến khích sử dụng nguồn lực cho dự án một cách hiệu quả. Việc sử dụng cách tiếp cận chung được ghi lại trong Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội (KH CKMTXH) để các cơ quan thực hiện dự án hiểu rõ những biện pháp, trách nhiệm và hành động đã được thống nhất trong cách tiếp cận chung.

GN9.2. Bên vay cần chia sẻ với Ngân hàng thông tin về sự phối hợp hiện tại với các cơ quan khác cấp vốn cho dự án được đề xuất thực hiện theo hình thức Tài trợ Dự án Đầu tư. Từ đó Ngân hàng sẽ xác định xem cách tiếp cận đã được thống nhất để đánh giá và quản lý các rủi ro môi trường và xã hội có thể giúp dự án đạt mục tiêu một cách nhất quán với các TCMTXH hay không. Tùy theo mức độ nghiêm trọng của các rủi ro và tác động của dự án, quá trình xây dựng cách tiếp cận chung có thể bao gồm việc phân tích nhằm đảm bảo cách tiếp cận chung đó đáp ứng những yêu cầu liên quan của các TCMTXH.

10. TCMTXH1 cũng áp dụng cho tất cả các công trình, dự án liên quan. Các công trình, dự án liên quan sẽ phải đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH, bảo đảm để Bên vay duy trì khả năng kiểm soát có ảnh hưởng đến các hạng mục liên quan đó¹¹.

Chú thích số 11. Bên vay sẽ được yêu cầu giải trình phạm vi, mức độ mình không thể kiểm soát hay ảnh hưởng đối với các công trình, dự án liên quan bằng cách cung cấp thông tin chi tiết về các yếu tố liên quan, như pháp lý, luật định, thể chế.

GN10.1. Tính chất kiểm soát hoặc ảnh hưởng sẽ phức tạp và vượt quá cách hiểu thông thường về tính sở hữu, quyền hạn pháp lý, hoặc khi công trình dự án liên quan nằm ở lãnh thổ nước ngoài. Như đã nêu ở chú thích số 11, có thể có những nguyên nhân khiến cho Bên vay không thể thực thi được việc kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng. Ví dụ, cơ quan thực hiện dự án chẳng hạn Bộ Nước và Vệ sinh có thể không kiểm soát được hoặc không có thẩm quyền đối với một cơ quan chính phủ khác sở hữu hoặc vận hành công trình, dự án liên quan, hoặc công trình dự án đó có thể nằm ở lãnh thổ nước khác.

GN10.2. Trong trường hợp Bên vay hoàn toàn không có hoặc chỉ có tầm ảnh hưởng hoặc kiểm soát hạn chế đối với các cơ quan khác hoặc các bên thứ ba, thì đánh giá môi trường và xã hội cần xác định các bên đó là đơn vị nào và có vai trò như thế nào đối với công trình, dự án liên quan. Các rủi ro và tác động mà công trình, dự án liên quan gây ra cho dự án và sự thiếu vai trò kiểm soát hoặc ảnh hưởng của Bên vay sẽ phải được xem xét trong đánh giá rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án (theo Khoản 32 của TCMTXH1).

11. Trong TCMTXH này, “công trình, dự án liên quan” chỉ những công trình hay hoạt động không sử dụng nguồn vốn của dự án, đồng thời, theo đánh giá của NHTG: (a) có liên quan trực tiếp và đáng kể đến dự án; (b) được thực hiện hay dự kiến được thực hiện cùng dự án; (c) cần thiết để dự án bảo đảm tính khả thi, và sẽ không được thực hiện hay mở rộng quy mô nếu không có dự án¹².

Chú thích số 12. Để các công trình dự án được coi là các công trình dự án liên quan thì chúng phải đáp ứng cả 3 tiêu chí.

GN11.1. Nhiều khi có những công trình hoặc hoạt động khác không thuộc nguồn vốn của dự án nhưng lại cần thiết để dự án có thể hoạt động tốt. Trong những dự án cơ sở hạ tầng phức tạp, có thể cần đến nhiều công trình và hoạt động để giúp dự án vận hành tốt nhưng không phải tất cả đều đáp ứng định nghĩa về Công trình, Dự án liên quan. Để được xác định là Công trình, Dự án liên quan, phải đáp ứng cả ba tiêu chí trong Khoản 11 của TCMTXH1. Hoạt động sửa chữa và/hoặc mở rộng cơ sở hạ tầng hiện có cũng có thể được coi là Công trình, Dự án liên quan nếu đáp ứng các tiêu chí quy định trong Khoản 11.

GN11.2. “Liên quan trực tiếp và đáng kể” nghĩa là công trình, dự án hoặc hoạt động có thể liên quan trực tiếp và đáng kể với dự án về khía cạnh công trình, vị trí địa lý hoặc chức năng. Ví dụ, một đường dây truyền tải có thể liên quan trực tiếp và đáng kể với một nhà máy điện.

GN11.3. Các công trình, dự án hoặc hoạt động được “thực hiện hoặc dự kiến được thực hiện đồng thời với dự án” không nhất thiết phải diễn ra trùng hợp hoàn toàn với thời hạn dự án nhưng vẫn được coi là đồng thời với dự án nếu diễn ra trong khoảng thời gian từ khi xác định dự án đến khi hoàn thành dự án.

12. Trong đó:

(a) Khi Dự án đã thống nhất được quy trình chung thì quy trình chung đó sẽ áp dụng cho các công trình, dự án liên quan;

(b) Nếu các công trình, dự án liên quan được đầu tư bởi các nhà tài trợ đa phương hay song phương khác, Bên vay có thể thống nhất với NHTG áp dụng quy định của các tổ chức đó đối với các công trình, dự án liên quan nếu những quy định đó sẽ tạo điều kiện để dự án đạt được những mục tiêu phù hợp về căn bản với các TCMTXH.

13. Trường hợp NHTG tài trợ cho dự án có Trung gian tài chính (TGTC), đồng thời các tổ chức tài trợ đa phương, song phương khác¹³ cũng đã đầu tư cho cùng một TGTC đó thì Bên vay có thể thống nhất với NHTG áp dụng quy định của các tổ chức trên để đánh giá, quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án, trong đó có cả các cơ cấu thể chế đã có của TGTC nếu những quy định đó sẽ tạo điều kiện để dự án đạt được những mục tiêu phù hợp về căn bản với các TCMTXH.

Chú thích số 13. Các tổ chức này gồm IFC và MIGA.

GN13.1. TCMTXH9 đề ra cách tiếp cận của Khung MTXH đối với các trung gian tài chính..

Yêu cầu

14. Bên vay sẽ tiến hành đánh giá, quản lý và giám sát các rủi ro, tác động môi trường và xã hội của dự án trong suốt chu trình dự án, bảo đảm thỏa mãn các yêu cầu của TCMTXH theo phương thức, thời gian được NHTG chấp thuận¹⁴.

Chú thích số 14. Để xác định phương thức, thời gian chấp thuận được, NHTGs sẽ xem xét bản chất và mức độ của các rủi ro, tác động môi trường và xã hội, thời gian xây dựng và thực hiện dự án, năng lực của Bên vay và các đơn vị khác tham gia xây dựng và thực hiện dự án, các biện pháp và hành động cụ thể được Bên vay áp dụng, thực hiện để xử lý các rủi ro và tác động.

GN14.1. TCMTXH1 đề cập cách thức Bên vay sẽ giải quyết các rủi ro môi trường và xã hội của dự án. Mục đích của các yêu cầu được nêu ra trong TCMTXH1 là giúp Bên vay lập kế hoạch và thiết kế dự án, đồng thời quản lý các rủi ro và tác động của dự án một cách có hệ thống. Các dự án có những rủi ro và tác động khác nhau, và các khung thời gian phát triển khác nhau. Việc đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội cần được lồng ghép vào việc quản lý dự án của Bên vay, và sẽ hỗ trợ việc thực hiện dự án một cách thành công và bền vững.

GN14.2. Mỗi TCMTXH, bao gồm cả TCMTXH1, đều xác định một số mục tiêu. Những mục tiêu này mô tả các kết quả tác động dự kiến đạt được thông qua từng TCMTXH. Bên vay cần thiết kế và thực hiện dự án sao cho đạt được những mục tiêu đó. Áp dụng các TCMTXH có thể giúp Bên vay giải quyết các rủi ro và tác động của dự án và đạt được những kết quả tác động có ý nghĩa hỗ trợ quá trình phát triển lâu dài. Mỗi một TCMTXH đều quy định những yêu cầu cụ thể nhằm giúp Bên vay đạt được mục tiêu bằng những cách thức phản ánh được bản chất của các rủi ro và tác động của dự án.

GN14.3. Trong một số trường hợp, khi đánh giá môi trường và xã hội, Bên vay có thể xác định một số rủi ro và tác động nhất định không được nêu ra trong các TCMTXH; những rủi ro và tác động đó sẽ được giải quyết theo nguyên tắc trình tự giảm thiểu và các mục tiêu của TCMTXH1.

GN14.4. Cách thức để Bên vay đáp ứng các yêu cầu trong TCMTXH và khung thời gian để thực hiện việc này sẽ khác nhau tùy theo từng dự án, điều này cho thấy có nhiều vấn đề cần cân nhắc liên quan đến các chi tiết cụ thể của dự án. Những vấn đề cần cân nhắc được mô tả trong chú thích số 14. Nếu được giải quyết hợp lý, những vấn đề này sẽ giúp Bên vay và Ngân hàng thống nhất về phương thức và thời điểm thích hợp để đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động của dự án. Loại hình dự án, thời gian dự kiến thực hiện dự án, và các cơ quan khác nhau có thể liên quan đến dự án sẽ là những yếu tố chính để quyết định cách thức thực hiện yêu cầu của các TCMTXH.

15. Bên vay phải:

(a) Thực hiện đánh giá môi trường và xã hội của dự án được đề xuất, bao gồm cả huy động sự tham gia của các bên liên quan;

(b) Có biện pháp huy động các bên liên quan tham gia, thực hiện công khai thông tin theo TCMTXH10;

(c) Xây dựng, thực hiện KH CKMTXH và thực hiện tất cả các biện pháp và hành động được nêu trong thỏa thuận pháp lý bao gồm cả Kế hoạch Cam kết TCMTXH;
(d) Tiến hành giám sát và báo cáo các kết quả công tác môi trường và xã hội của dự án theo các TCMTXH.

GN15.1. Khoản 15 tóm tắt những trách nhiệm chính của Bên vay theo các TCMTXH:

- (a) **Đánh giá môi trường và xã hội** là quá trình phân tích và lập kế hoạch do Bên vay thực hiện nhằm xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án. Các biện pháp giảm thiểu được xác định theo trình tự giảm thiểu (được mô tả trong các Khoản từ GN 27.1 đến GN 27.3). Khoản 23 đến Khoản 35 và Phụ lục 1 của TCMTXH1 cung cấp thêm thông tin về đánh giá môi trường và xã hội.
- (b) **Sự tham gia của các bên liên quan** là một khía cạnh quan trọng trong việc phát triển một dự án bền vững về môi trường và xã hội. TCMTXH10 nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở rộng cơ hội tham gia cho các bên liên quan và cung cấp cơ hội để quan điểm của họ được xem xét trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án. TCMTXH10 cung cấp thêm thông tin về việc xác định các bên liên quan, xây dựng các kế hoạch huy động sự tham gia của các bên liên quan (KHTV), công bố thông tin và tham vấn với các bên liên quan.
- (c) **Kế hoạch Cam kết Môi trường Xã hội (KH CKMTXH)** là một tài liệu tổng hợp do Bên vay xây dựng (với sự trợ giúp của Ngân hàng), trong đó xác định các biện pháp và hành động trọng yếu sẽ được thực hiện trong khuôn khổ thời gian đã thống nhất. Các Khoản từ 36 đến 44 và Phụ lục 2 của TCMTXH1 sẽ cung cấp thêm thông tin về KH CKMTXH.
- (d) **Giám sát và báo cáo** là cơ sở để theo dõi kết quả thực hiện dự án và xác minh sự tuân thủ với KH CKMTXH và với yêu cầu của các TCMTXH. Giám sát và báo cáo cũng giúp xác định các hành động hay biện pháp cần thiết để khắc phục hoặc cải thiện hiệu quả thực hiện dự án về mặt môi trường và xã hội. Phạm vi và phương thức giám sát và báo cáo phản ánh tính chất của dự án và mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án. Các Khoản từ 45 đến 50 của TCMTXH1 sẽ cung cấp thêm thông tin về giám sát và báo cáo.

16. Trường hợp KH CKMTXH quy định Bên vay phải lập kế hoạch hay thực hiện một số biện pháp hoặc hành động trong một khoảng thời gian nhất định để phòng tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ một số rủi ro và tác động của dự án. Bên vay sẽ không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào liên quan đến dự án có thể dẫn đến những rủi ro hay tác động môi trường và xã hội bất lợi đáng kể cho đến khi đã hoàn thành các kế hoạch, biện pháp hoặc hành động tương ứng theo Kế hoạch Cam kết MTXH.

GN16.1. Như đã trình bày ở Khoản 15, TCMTXH1 yêu cầu Bên vay phải đánh giá, quản lý và theo dõi giám sát các rủi ro và tác động của dự án theo cách thức và trong khuôn khổ thời gian có thể chấp nhận được đối với Ngân hàng. KH CKMTXH sẽ là một công cụ quản lý ghi nhận những điểm đã thống nhất với Ngân hàng liên quan đến thời gian và/hoặc cách thức giải quyết các vấn đề cụ thể. Công cụ này sẽ giúp Bên vay phân bổ nguồn lực dựa trên các biện pháp và hành động đã thống nhất trong tiến trình lập kế hoạch và xây dựng dự án.

Khoản 16 nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác định các rủi ro và tác động và thực hiện các biện pháp giảm thiểu liên quan trước khi bắt kỳ hoạt động nào của dự án có khả năng gây ra những rủi ro hoặc tác động bất lợi lớn về môi trường hoặc xã hội. Ví dụ, nếu dự án sẽ tạo ra các mái dốc mới có khả năng gây xói mòn hoặc sạt lở đất thì phải thiết kế xong các biện pháp giảm thiểu về mặt công trình và phủ xanh cần thiết để ổn định mái dốc trước khi triển khai công tác thi công; hoặc nếu một dự án cơ sở hạ tầng sẽ tạo ra một lượng lớn chất thải thì dự án phải xác định một bãi chôn lấp và một kế hoạch quản lý chất thải phù hợp, đồng thời ký kết xong hợp đồng vận chuyển và quản lý trước khi bắt đầu những hoạt động thi công làm phát sinh chất thải.

17. Nếu dự án có các hạng mục hoặc hoạt động đã làm không đáp ứng yêu cầu của TCMTXH tại thời điểm Ban Giám đốc Ngân hàng phê duyệt dự án thì Bên vay áp dụng và thực hiện các biện pháp được NHTG chấp thuận, sao cho các nội dung liên quan của các hạng mục hay hoạt động đó đáp ứng được yêu cầu của TCMTXH theo đúng Kế hoạch Cam kết MTXH.

GN17.1. Nếu dự án bao gồm các công trình hoặc hoạt động đã có sẵn, ví dụ như dự án sửa chữa cải tạo một công trình kiểm soát ô nhiễm (chẳng hạn nhà máy xử lý nước thải) hoặc dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, thì các công trình hoặc hoạt động đó phải được rà soát đánh giá để xác định mức độ phù hợp với yêu cầu của các TCMTXH. Việc rà soát đánh giá phải tập trung vào những khía cạnh nào cho thấy rủi ro nghiêm trọng nhất, trên cơ sở xem xét mức độ khả thi kỹ thuật và tài chính của các biện pháp cụ thể. Bất kỳ biện pháp nào mà Bên vay xác định cũng đều phải được đưa vào KH CKMTXH.

GN17.2. Để xác định các biện pháp cần thiết nhằm đạt được yêu cầu của các TCMTXH, có thể dự án phải tiến hành kiểm toán các khía cạnh môi trường hay xã hội của công trình hiện có. Nội dung kiểm toán gồm có rà soát những tác động môi trường và xã hội chính và các biện pháp giảm thiểu hiện tại. Cần thiết lập dữ liệu cơ sở cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục. Trong những trường hợp không thể thực hiện các biện pháp giảm thiểu thì nội dung kiểm toán phải bao gồm đánh giá các tác động đang diễn ra. Bất kỳ biện pháp cần thiết nào được xác định qua quá trình kiểm toán đều phải được đưa vào KH CKMTXH.

18. Dự án phải áp dụng các yêu cầu phù hợp trong Hướng dẫn về Sức khỏe, An toàn, Môi trường (EHSG). Khi quy định của nước sở tại khác với các tiêu chuẩn, biện pháp nêu trong EHSG thì Bên vay sẽ phải áp dụng hay thực hiện quy định nào nghiêm ngặt hơn. Nếu các tiêu chuẩn, biện pháp ít nghiêm ngặt hơn so với EHSG được cho là phù hợp, xét trên những hạn chế về kỹ thuật hoặc tài chính của Bên vay hay những điều kiện khác của dự án thì Bên vay sẽ phải giải trình đầy đủ, chi tiết lý do đề xuất các phương án thay thế thông qua đánh giá môi trường và xã hội. Khi giải trình phải chứng minh được việc lựa chọn các tiêu chuẩn thay thế sẽ phù hợp với mục tiêu của các TCMTXH và các EHSG liên quan, thỏa mãn yêu cầu của NHTG, đồng thời không được gây ra tác hại đáng kể nào về môi trường và xã hội.

A. Sử dụng Khung Môi trường và Xã hội của Bên vay

19. Khi đề nghị NHTG tài trợ một dự án, Bên vay và NHTG sẽ xem xét áp dụng toàn bộ hay một phần Khung pháp lý về môi trường và xã hội hiện hành của Bên vay (gọi tắt là Khung

MTXH của Bên vay) trong quá trình đánh giá, xây dựng và thực hiện các dự án. Việc sử dụng này có thể được đề xuất với điều kiện khung pháp lý đó có khả năng xử lý được các rủi ro và tác động của dự án và tạo điều kiện để dự án đạt được những mục tiêu phù hợp căn bản với các TCMTXH.

GN19.1. Việc sử dụng Khung pháp lý về Môi trường và Xã hội (Khung MTXH) của Bên vay nhằm mục đích tăng cường cách tiếp cận của Bên vay trong việc quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Nếu sử dụng các quy trình và quy định trong nước để đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội thì sẽ làm tăng tinh thần làm chủ và năng lực của quốc gia; giúp xây dựng các thể chế trong dài hạn; khuyến khích hài hòa hóa các luật định, chính sách và tiêu chuẩn; và tạo cơ hội để phối hợp và học hỏi. Bên cạnh đó, còn có thể tránh gây ra sự trùng lặp trong các yêu cầu của Bên vay và Ngân hàng.

20. Nếu Bên vay và NHTG đề xuất áp dụng toàn bộ hay một phần của Khung pháp lý MTXH của bên vay thì NHTG sẽ rà soát khung pháp lý này¹⁵ theo những yêu cầu được đưa ra trong Khoản 19. Bên vay sẽ cung cấp thông tin cho NHTG liên quan đến đánh giá rà soát này¹⁶.

Chú thích số 15. Khung MTXH của Bên vay sẽ bao gồm các nội dung trong khung chính sách, pháp lý, thể chế của quốc gia, bao gồm các cơ cấu tổ chức cấp quốc gia, địa phương hay ngành, các luật, quy định, quy chế, quy trình liên quan, năng lực thực hiện tương ứng với các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án. Khi Khung MTXH của Bên vay có sự thiếu nhất quán hay thiếu rõ ràng về cơ quan có thẩm quyền thì những vấn đề này phải được phát hiện và trao đổi với Bên vay. Những nội dung liên quan trong Khung MTXH của Bên vay ở mỗi dự án một khác, tùy vào những yếu tố như loại hình, quy mô, địa điểm, các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án, cũng như vai trò, quyền hạn của một số ban ngành.

Chú thích số 16. Các thông tin do Bên vay cung cấp sẽ giúp xác định Khung MTXH của Bên vay có thể áp dụng được không và áp dụng đến mức nào để tạo điều kiện cho dự án giải quyết những rủi ro và tác động của dự án, đạt được những mục tiêu phù hợp về căn bản với các TCMTXH. Bên vay cần cung cấp cho NHTG các nghiên cứu, đánh giá mới thực hiện do Bên vay hay bên thứ ba có uy tín thực hiện, bao gồm thông tin về những dự án khác được xây dựng trong nước nếu tương đồng với dự án được đề xuất.

GN20.1. Nếu có đề xuất sử dụng Khung MTXH của Bên vay thì Ngân hàng sẽ tự đánh giá những khía cạnh phù hợp trong khung quy định đó. Việc đánh giá được thực hiện cho dự án đề xuất trên cơ sở xem xét việc sử dụng Khung MTXH của Bên vay có thể giải quyết những rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án hay không, có thể hỗ trợ việc thiết kế và thực hiện các biện pháp giảm thiểu theo trình tự giảm thiểu hay không, và có tạo điều kiện cho dự án đạt mục tiêu một cách nhất quán với các TCMTXH hay không. Tùy theo mức độ nghiêm trọng của các rủi ro và tác động cụ thể của dự án mà việc đánh giá của Ngân hàng có thể bao gồm một phân tích chi tiết hơn về các yêu cầu cụ thể có liên quan của các TCMTXH. Ngân hàng sẽ công khai tóm tắt kết quả đánh giá trên trang web của Ngân hàng.

GN20.2. Phạm vi đánh giá và các khía cạnh được đánh giá trong Khung MTXH của Bên vay còn tùy thuộc vào các yếu tố liên quan như loại hình dự án, quy mô dự án, mức độ phức tạp của dự án và các rủi ro và tác động tiềm tàng về môi trường, xã hội của dự án (bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở những rủi ro và tác động được xác định trong các TCMTXH). Cách tiếp cận để đánh giá Khung MTXH của Bên vay sẽ phản ánh bối cảnh khác nhau của từng quốc gia và từng

dự án. Tối thiểu sẽ có những điểm dưới đây được xem xét khi đánh giá, dựa trên những thông tin mà Ngân hàng đã có cũng như các tài liệu mà Ngân hàng có thể yêu cầu để ra quyết định:

- (a) Các chính sách, khung pháp lý và thể chế của quốc gia có liên quan đến các rủi ro và tác động môi trường và xã hội cụ thể của dự án;
- (b) Các luật, quy định, quy tắc và thủ tục (trong đó có các yêu cầu cấp phép và phê duyệt) áp dụng cho dự án, bao gồm các yêu cầu và quy định ở cấp vùng miền và địa phương, có liên quan đến các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án;
- (c) Sự thiếu nhất quán, thiếu rõ ràng hoặc mâu thuẫn khi xác định các cấp có thẩm quyền hoặc phạm vi thẩm quyền ở mỗi cấp, bao gồm những điểm khác biệt giữa cấp trung ương và cấp vùng miền/địa phương về mức độ hoặc phạm vi thẩm quyền;
- (d) Kinh nghiệm làm việc trước đây với Ngân hàng hoặc các cơ quan tài trợ đa phương và song phương khác, và hiệu quả hoạt động của Bên vay và các thể chế cấp quốc gia, cấp tỉnh, ngành và địa phương liên quan đến việc chuẩn bị và/hoặc thực hiện các dự án tương tự trước đây; và
- (e) Năng lực kỹ thuật và thể chế của Bên vay và các thể chế hoặc cơ quan thực hiện ở cấp quốc gia, cấp tỉnh hoặc ngành liên quan đến việc chuẩn bị và thực hiện dự án.

GN20.3. Nhằm cung cấp thông tin về hoạt động đánh giá cũng như thiết kế các biện pháp cần thiết để giải quyết những điểm yếu phát hiện được, Ngân hàng sẽ tham vấn với các bên liên quan được xác định dựa trên thông tin đầu vào từ phía Bên vay. Tham vấn sẽ bao gồm các cuộc thảo luận với quan chức chính phủ và các đối tác phát triển khác cũng như xã hội dân sự và những người bị ảnh hưởng bởi dự án. Tham vấn nhằm mục đích cung cấp thông tin về kết quả đánh giá Khung MTXH của Bên vay và các biện pháp hành động được thiết kế để giải quyết các điểm yếu phát hiện được. Quy trình tham vấn không chỉ tập trung vào khía cạnh luật pháp mà còn chú ý đến việc thực thi pháp luật trên thực tế, cũng như kinh nghiệm từ các dự án khác.

GN20.4. Kết quả đánh giá có tính chất cụ thể đối với dự án đề xuất, nhưng vẫn dựa trên những thông tin sẵn có về Khung MTXH của Bên vay có liên quan đến dự án, bao gồm kết quả đánh giá của các dự án hoặc nghiên cứu phân tích trước đó. Nếu trước đó Ngân hàng đã đánh giá tổng quan khung chính sách, pháp lý và thể chế quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội của Bên vay, thì kết quả đánh giá đó có thể được xem xét nếu liên quan đến Khung MTXH của Bên vay và thích hợp với dự án đang được chuẩn bị, và nếu Ngân hàng thấy hiện trạng không có sự thay đổi đáng kể so với các kết luận của đánh giá đó.

21. Sau khi đã tham khảo ý kiến với NHTG, Bên vay phải xác định các biện pháp và hành động để xử lý mọi hạn chế trong Khung MTXH của Bên vay, bảo đảm để các biện pháp, giải pháp đó là cần thiết để dự án đạt được những mục tiêu phù hợp về căn bản với các TCMTXH. Các biện pháp và hành động này có thể được thực hiện trong quá trình chuẩn bị hay thực hiện dự án, và khi cần sẽ bao gồm những biện pháp và hành động giải quyết các vấn đề về nâng cao năng lực cho Bên vay, về cơ chế thực hiện ở cấp quốc gia, địa phương hay ngành liên quan và các đơn vị thực hiện dự án. Các biện pháp và hành động đã thống nhất cũng như thời hạn hoàn thành sẽ được đưa vào Kế hoạch Cam kết MTXH.

22. Bên vay sẽ thực hiện mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm Khung MTXH của Bên vay cũng như các phương thức thực hiện, kinh nghiệm thực tiễn, năng lực triển khai có thể chấp nhận được phù hợp với các biện pháp và hành động đã xác định trong Kế hoạch Cam kết MTXH trong toàn bộ chu trình dự án. Bên vay phải thông báo cho NHTG mọi thay đổi lớn trong Khung MTXH của Bên vay có ảnh hưởng đến dự án¹⁷. Nếu Khung MTXH của Bên vay có thay đổi theo hướng không phù hợp với yêu cầu trong Khoản 19 và Kế hoạch Cam kết MTXH thì Bên vay phải thực hiện các đánh giá bổ sung cần thiết và tham vấn các bên liên quan theo quy định của các TCMTXH, đồng thời đề xuất các nội dung sửa đổi Kế hoạch Cam kết MTXH để NHTG phê duyệt.

Chú thích số 17. Nếu NHTG cho rằng những thay đổi này sẽ nâng cao chất lượng cho Khung MTXH của Bên vay thì Bên vay sẽ áp dụng những thay đổi đó cho dự án.

GN22.1. Chú thích số 17 hàm ý rằng có những trường hợp không thể hoặc không thích hợp để áp dụng cải tiến cho dự án, đặc biệt là nếu phải thay đổi đáng kể thiết kế dự án hoặc các biện pháp giảm thiểu đã được các bên thống nhất. Bất kỳ thay đổi nào cũng phải được xem xét theo tình hình cụ thể trên cơ sở thảo luận với Bên vay.

B. Đánh giá Môi trường và Xã hội

23. Bên vay phải thực hiện đánh giá môi trường và xã hội¹⁸ của dự án để xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án trong suốt chu trình của dự án¹⁹. Việc đánh giá sẽ được thực hiện tương ứng với mức độ của các rủi ro, tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án, đồng thời sẽ đánh giá một cách tổng hợp mọi rủi ro và tác động môi trường và xã hội trực tiếp,²⁰ gián tiếp,²¹ lũy tích²² liên quan trong suốt chu trình của hạn dự án, kể cả những rủi ro và tác động môi trường và xã hội được chỉ ra trong các TCMTXH từ 2 đến 10.

Chú thích số 18. Bên vay sau khi trao đổi với NHTG cần xác định, áp dụng các phương pháp, công cụ phù hợp, xác định phạm vi, phân tích môi trường-xã hội, điều tra, kiểm toán, khảo sát, nghiên cứu, nhằm xác định và đánh giá các rủi ro, tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án. Những phương pháp, công cụ này sẽ phản ánh tính chất và phạm vi của dự án, và tùy trường hợp sẽ bao gồm một tập hợp (hay một số thành phần) của những nội dung sau: Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA); Kiểm toán môi trường; Đánh giá nguy cơ hoặc rủi ro; Phân tích xã hội và mâu thuẫn; Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (KH QLMTXH); Khung quản lý môi trường và xã hội (KQLMTXH); Đánh giá tác động môi trường vùng hoặc ngành; Đánh giá môi trường và xã hội chiến lược (ĐMXC). Một số nội dung của dự án có thể sẽ đòi hỏi Bên vay phải sử dụng những phương pháp, công cụ chuyên môn để đánh giá, như Kế hoạch quản lý di sản văn hóa. Trường hợp dự án có tác động trên phạm vi vùng hoặc ngành thì sẽ phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường vùng hoặc ngành.

Chú thích số 19. Có thể bao gồm các khâu chuẩn bị thi công, thi công, vận hành, thanh lý, kết thúc, khôi phục/phục hồi.

Chú thích số 21. Tác động gián tiếp là tác động gây ra bởi dự án và xảy ra muộn hơn và cách xa hơn vị trí dự án nhưng vẫn có thể thấy trước.

Chú thích số 22. Tác động tích lũy là tác động khi kết hợp với những tác động phù hợp của những hoạt động phát triển khác trong quá khứ, hiện tại hoặc tương lai xác định, hoặc các hoạt động không có trong kế hoạch nhưng có thể dự tính được rằng sẽ diễn ra sau này hoặc xảy ra ở một vị trí khác một khi dự án được thực hiện. Tác động tích lũy có thể xảy ra do những hoạt động nhỏ riêng biệt nhưng tập hợp lại thành những hoạt động lớn xảy ra trong một khoảng thời gian. Đánh giá tác động môi trường và xã hội sẽ xem xét tác động tích lũy được công nhận là quan trọng trên cơ sở những quan tâm khoa học và/hoặc phản ánh những quan tâm của các bên bị ảnh hưởng bởi dự án. Tác động tích lũy tiềm tàng sẽ được xác định sớm nhất có thể, lý tưởng khi chúng được xem như một phần của xác định phạm vi dự án.

GN23.1. Bên vay cần bắt đầu việc đánh giá môi trường và xã hội càng sớm càng tốt khi xác định và chuẩn bị dự án. Đánh giá phải xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội một cách tổng hợp để có cơ sở lập thiết kế dự án. Sự tham gia của các bên liên quan sẽ là một phần không thể tách rời trong đánh giá môi trường và xã hội, theo TCMTXH10.

GN23.2. Vào các giai đoạn khác nhau của dự án có thể xuất hiện các rủi ro và tác động môi trường và xã hội khác nhau, tùy theo các hoạt động đang được triển khai. Đánh giá môi trường và xã hội cần xem xét từng giai đoạn dự án, và xác định những rủi ro, tác động môi trường và xã hội có liên quan cũng như các biện pháp giảm thiểu thích hợp.

GN23.3. Có thể sử dụng nhiều phương pháp và công cụ để xác định và đánh giá các rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án. Các phương pháp và công cụ có thể khác nhau tùy theo dữ liệu cơ sở hiện có cũng như tính chất và mức độ nghiêm trọng của các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Chú thích số 18 và Phụ lục 1 của TCMTXH1 trình bày các phương pháp và công cụ thường được sử dụng phổ biến nhất.

GN23.3. Bên vay phải đảm bảo rằng đánh giá sẽ xác định các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án. Đồng thời xác định các biện pháp giảm thiểu và quản lý cần tiến hành trong thời gian thực hiện dự án để giải quyết các rủi ro và tác động đó theo trình tự giảm thiểu được mô tả ở Khoản 27, và xác định các tác động còn lại không thể giảm thiểu được. Đánh giá cũng sẽ xác định trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu và những vấn đề về năng lực hoặc những quan ngại khác cần giải quyết.

GN23.4 (Chú thích số 21). Phải xem xét các tác động gián tiếp và tích lũy nếu những tác động này có thể dự đoán được một cách hợp lý. Những tác động được cho là hiển nhiên hoặc “được suy đoán” thì không được coi là dự đoán được một cách hợp lý. Chỉ những hậu quả nào có khả năng xảy ra, hoặc thấy trước được hoặc dự đoán được một cách hợp lý mới cần được thảo luận. Những thuật ngữ “có khả năng xảy ra” và “thấy trước”, khi được dùng để nói về tác động, được hiểu là khả năng xảy ra tác động đủ lớn để một người có khả năng xét đoán thông thường phải cân nhắc trước khi đưa ra quyết định. Mặt khác, Bên vay cũng không phải đánh giá hoặc giảm thiểu các tác động có tính chất không rõ ràng, không chắc chắn, dựa trên suy đoán hoặc không có liên quan.

GN23.4 (Chú thích số 22). Các tác động tích lũy là kết quả của sự gia tăng tác động từ dự án khi có thêm các dự án hoặc hoạt động phát triển khác được triển khai trong vùng dự án hoặc được quy hoạch hoặc được cho là sẽ xảy ra trong tương lai dựa trên cơ sở dự đoán hợp lý. Ví dụ, những ảnh hưởng đến điều kiện môi trường xung quanh vùng dự án, như gia tăng khí thải gây ô nhiễm không khí ở địa phương, tăng hàm lượng chất gây ô nhiễm trong lưu vực, đất hoặc trầm tích hoặc tích lũy sinh học; suy giảm dòng chảy trong lưu vực do bơm hút khai thác nước ngầm, tăng khối lượng trầm tích hoặc xói mòn trong lưu vực; gây nhiễu loạn tuyến đường di cư hoặc di chuyển của các động vật hoang dã, tăng áp lực đối với khả năng chịu đựng hoặc sống sót của các loài chỉ thị trong một hệ sinh thái đã biết, giảm số lượng quần thể động vật hoang dã do hoạt động săn bắn, hoặc tắc nghẽn giao thông và tai nạn dọc các tuyến đường giao thông do tăng lưu lượng phương tiện giao thông.

Nếu dự án có những yếu tố, khía cạnh và công trình được xác định có nhiều khả năng gây tác động, thì quá trình xác định rủi ro và tác động cần phải đánh giá ảnh hưởng tổng hợp của nhiều yếu tố gắn liền với dự án (ví dụ, các mỏ vật liệu, đường giao thông, các công trình, dự án liên quan). Nếu một khu vực địa lý có nhiều tiểu dự án đang triển khai hoặc đã được quy hoạch, thì quy trình xác định rủi ro và tác động của Bên vay có thể cần bao gồm Đánh giá Tác động Tích lũy (CIA).

24. Đánh giá môi trường và xã hội sẽ thực hiện căn cứ trên các thông tin hiện có, bao gồm mô tả, phân loại chính xác dự án và mọi nội dung liên quan, các dữ liệu nền môi trường và xã hội với mức độ đủ chi tiết để mô tả được đặc điểm và xác định rủi ro và tác động và biện pháp giảm thiểu. Quá trình đánh giá sẽ xem xét các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của

dự án; nghiên cứu các phương án; xác định giải pháp nâng cao chất lượng lựa chọn, xác định địa điểm, quy hoạch, thiết kế và thực hiện dự án nhằm áp dụng quy tắc về trình tự giảm thiểu phù hợp đối với các tác động môi trường và xã hội bất lợi, cũng như tìm cách tăng cường các tác động tích cực của dự án. Đánh giá môi trường và xã hội sẽ bao gồm việc huy động sự tham gia của các bên liên quan và coi đó là một phần không tách rời của đánh giá theo TCMTXH10.

25. Đánh giá môi trường và xã hội sẽ trình bày một cách đầy đủ, chính xác, khách quan các rủi ro và tác động bởi những người có đủ trình độ và kinh nghiệm. Đối với những dự án có Rủi ro cao và Rủi ro đáng kể cũng như những trường hợp Bên vay có năng lực hạn chế thì Bên vay phải sử dụng chuyên gia độc lập tiến hành đánh giá môi trường và xã hội.

GN25.1. Các chuyên gia độc lập tham gia đánh giá phải có kiến thức chuyên môn phù hợp, có năng lực và giàu kinh nghiệm về các dự án có rủi ro và tác động môi trường xã hội tương tự. Có thể tuyển các chuyên gia độc lập thực hiện những phần đánh giá liên quan đến các rủi ro và tác động cụ thể đáng lo ngại, ví dụ đa dạng sinh học hay tái định cư, và/nếu Bên vay thiếu năng lực chuyên môn hoặc kinh nghiệm đánh giá những phương diện cụ thể đó.

GN25.2. “Độc lập” nghĩa là các chuyên gia có thể đưa ra những lời khuyên chuyên môn mang tính khách quan, không thiên vị mà không phải lo lắng về công việc tương lai và không có mâu thuẫn với những nhiệm vụ công việc khác hoặc lợi ích cá nhân của bản thân họ. Sự độc lập đảm bảo tính khách quan của kết quả đánh giá môi trường và xã hội, do người đánh giá không có lợi ích riêng và không có lý do để gây ảnh hưởng đến kết quả đánh giá. Trong một số trường hợp nhất định, kể cả khi đã tham gia chuẩn bị, thiết kế và thực hiện dự án (ví dụ, trong giai đoạn nghiên cứu khả thi trước đó), các chuyên gia vẫn có thể được tuyển để thực hiện nhiệm vụ đánh giá nếu Bên vay chứng minh và được Ngân hàng chấp nhận là không có mâu thuẫn lợi ích và việc tuyển các chuyên gia đó sẽ có ích cho việc đánh giá.

26. Bên vay phải bảo đảm quá trình đánh giá môi trường và xã hội đã xem xét một cách phù hợp mọi vấn đề liên quan đến dự án, như: (a) khung chính sách của quốc gia, luật định trong nước, năng lực thể chế (kể cả năng lực thực hiện) liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội; diễn biến trong nước, bối cảnh dự án; các nghiên cứu môi trường và xã hội trong nước; các chương trình hành động về môi trường và xã hội trong nước; các nghĩa vụ của quốc gia có liên quan trực tiếp đến dự án theo các điều ước, hiệp ước quốc tế; (b) các quy định liên quan của các TCMTXH; (c) EHS và các Thông lệ tốt quốc tế trong ngành/lĩnh vực liên quan (GIIP)²³. Đánh giá của dự án cũng như mọi đề xuất nêu trong đánh giá phải theo đúng quy định tại Khoản này.

Chú thích số 23. Thông lệ tốt quốc tế trong ngành/lĩnh vực (GIIP) được định nghĩa là việc sử dụng các kỹ năng chuyên môn, sự kiên trì, thận trọng, sự tính toán trước cần có ở những người trong ngành có trình độ, kinh nghiệm đã từng tham gia loại hình công việc tương tự, trong các hoàn cảnh tương đồng hay tương tự ở trên thế giới hay trong khu vực. Kết quả là dự án sẽ áp dụng được những công nghệ phù hợp nhất với điều kiện của dự án.

GN26.1. Một điểm đặc biệt quan trọng, đó là phải cân nhắc các yêu cầu pháp luật trong nước liên quan đến thiết kế và thực hiện dự án, bao gồm yêu cầu xác định các biện pháp giảm thiểu. Nếu Bên vay tham gia các hiệp ước quốc tế hoặc cam kết các nghĩa vụ quốc tế áp dụng trực tiếp

với dự án, thì khi đánh giá phải xem xét ảnh hưởng của việc áp dụng các hiệp định hay nghĩa vụ đó đến thiết kế và thực hiện dự án.

GN26.2. Trong một số trường hợp, Bên vay đã chuẩn bị dự án và hoàn tất đánh giá môi trường và xã hội từ trước khi Ngân hàng tham gia, và các tài liệu quản lý rủi ro môi trường và xã hội (ví dụ, kế hoạch quản lý môi trường) đã được cơ quan trong nước có thẩm quyền phê duyệt. Khi đó, Ngân hàng sẽ rà soát lại quy trình đánh giá môi trường và xã hội và các tài liệu liên quan để đánh giá mức độ nhất quán với yêu cầu của các TCMTXH, và sẽ giúp Bên vay giải quyết những điểm còn thiếu so với yêu cầu của các TCMTXH, ví dụ, chuẩn bị các đánh giá bổ sung, nghiên cứu trọng điểm, hoặc xây dựng các tài liệu bổ sung về quản lý môi trường và xã hội.

27. Đánh giá môi trường và xã hội sẽ áp dụng nguyên tắc về trình tự giảm thiểu²⁴ và sẽ:

- (a) Dự báo và tránh rủi ro và tác động;
- (b) Khi không thể tránh thì giảm thiểu rủi ro và tác xuống mức có thể chấp nhận được;
- (c) Khi rủi ro và tác động đã được giảm thiểu tối đa hoặc giảm thiểu, thì đền bù²⁵ và
- (d) Khi vẫn còn tác động tồn dư lớn, bồi thường hay bù đắp cho những tác động tồn dư đó nếu khả thi về kỹ thuật và kinh tế.²⁶

Chú thích số 24. Nguyên tắc trình tự giảm thiểu được thảo luận kỹ hơn và cụ thể trong bối cảnh các TCMTXH từ số 2 đến số 10 khi phù hợp.

Chú thích số 25. Yêu cầu giảm thiểu tác động có thể bao gồm các biện pháp hỗ trợ những bên bị ảnh hưởng cải thiện hoặc phục hồi sinh kế phù hợp trong bối cảnh dự án cụ thể.

Chú thích số 26. Bên vay sẽ nỗ lực đầy đủ trong việc lồng ghép chi phí đền bù và hoặc/bù đắp cho những tác động tồn dư lớn như một phần chi phí của dự án. Đánh giá tác động môi trường và xã hội sẽ xem xét mức độ những tác động tồn dư đó, hậu quả lâu dài của chúng đến môi trường và những người bị ảnh hưởng và mức độ tác động có thể được coi là vừa phải trong bối cảnh dự án. Khi xác định được là không khả thi để bồi thường hoặc bù đắp cho những tác động tồn dư đó, cần đưa lý do (bao gồm các phương án đã được xem xét) vào đánh giá tác động môi trường và xã hội.

GN27.1. Trình tự giảm thiểu là một cách tiếp cận có tính hệ thống và tuần tự nhằm quản lý các rủi ro và tác động tiềm tàng của dự án và bao gồm các hoạt động nhằm: (a) tránh các rủi ro và tác động bất lợi, tăng cường tối đa các tác động tích cực và lợi ích cho cộng đồng và môi trường; (b) hạn chế tối đa các rủi ro và tác động bất lợi không thể tránh được; (c) khắc phục hoặc giảm thiểu các rủi ro và tác động bất lợi còn lại xuống mức có thể chấp nhận; và (d) bồi thường hoặc bù đắp cho các rủi ro và tác động còn lại không khắc phục hoặc không giảm thiểu được. Hiểu biết về các đánh giá cho các dự án tương tự trước đây, kết quả thành công hoặc thất bại của các biện pháp giảm thiểu, và tham vấn với các cộng đồng địa phương nhằm hiểu rõ bối cảnh địa phương sẽ rất có ích để thiết kế một trình tự giảm thiểu có thể chấp nhận được.

Bên vay cần bắt đầu xây dựng trình tự giảm thiểu ngay từ đầu chu trình dự án, bằng cách cử các chuyên gia môi trường và xã hội tham gia nhóm nghiên cứu khả thi và thiết kế dự án. Các TCMTXH 2 – 8 trình bày và mô tả kỹ trình tự giảm thiểu.

GN27.2. Theo nguyên tắc chung, đánh giá môi trường và xã hội cần bao gồm những nội dung sau đây:

Bước 1: Dự đoán và Phòng tránh: Phòng tránh là hình thức giảm thiểu được ưa thích nhất. Bước đầu tiên, đánh giá môi trường và xã hội sẽ xác định và đánh giá các phương án khả thi về kỹ thuật và tài chính (bao gồm vị trí, công nghệ hoặc các phương án lựa chọn tuyến đường). Cần xem xét cả hai yếu tố chi phí và lợi ích khi xác định tính khả thi kỹ thuật và tài chính của các phương án. Đánh giá các phương án cần tác động đến thiết kế dự án để Bên vay có thể lựa chọn những phương án nào dự đoán và phòng tránh được những rủi ro và tác động môi trường và xã hội bất lợi. (Tham khảo Phụ lục 1 Phần D(g) để có thêm thông tin về cách phân tích các phương án và tham khảo các TCMTXH 2 – 8 để biết các yêu cầu bổ sung cho mục đích phòng tránh).

Bước 2: Hạn chế tối đa: Nếu không thể tránh được thì đánh giá môi trường và xã hội sẽ xác định các hành động cụ thể nhằm hạn chế tối đa hoặc giảm bớt các rủi ro và tác động môi trường và xã hội bất lợi có khả năng xảy ra trong vòng đời dự án. Ví dụ, giảm dấu vết thực thể của dự án, giảm tác động đến khí hậu bằng cách lựa chọn các phương án có phát thải các-bon thấp hoặc lựa chọn các cơ sở hạ tầng, thiết bị hay công nghệ giúp sử dụng hiệu quả tài nguyên (bao gồm năng lượng, nước và nguyên liệu thô) và giảm lượng rác thải sản sinh ra trong suốt vòng đời dự án.

Bước 3: Giảm thiểu: Nhằm quản lý các rủi ro và tác động bất lợi còn lại (sau khi đã thực hiện hai bước phòng tránh và hạn chế), đánh giá môi trường và xã hội sẽ xác định các biện pháp giảm thiểu bằng cách xác lập các hành động cụ thể đảm bảo cho dự án đáp ứng yêu cầu trong các TCMTXH 1 – 8 và tuân thủ luật pháp cũng như các quy định trong nước có liên quan. Với các công trình, dự án hiện có, các hành động này sẽ bao gồm sửa chữa, khắc phục những rủi ro và tác động bất lợi đã xác định trong kiểm toán môi trường và xã hội hoặc trong các báo cáo soát xét thẩm tra. Tất cả những biện pháp này, bao gồm các kế hoạch hoặc biện pháp giảm thiểu theo chủ đề yêu cầu của các TCMTXH có liên quan (ví dụ, Kế hoạch Hành động Tái định cư, Kế hoạch Người bản địa, Kế hoạch Hành động Đa dạng sinh học, v.v) thường là một phần nội dung của Kế hoạch Quản lý môi trường và xã hội (KH QLMTXH) cho dự án. Xem chi tiết cụ thể trong Phụ lục 1 Phần E “Đề cương KH QLMTXH”. Bất kỳ trường hợp đền bù nào thuộc TCMTXH5 cũng đều nằm trong bước 3 này.

Bước 4: Bù đắp hoặc Bồi thường: Nếu việc tránh, hạn chế hay giảm thiểu không đủ để quản lý các rủi ro và tác động gây bất lợi nghiêm trọng thì phải thiết kế và thực hiện các biện pháp bù đắp/đền bù cho các rủi ro và tác động đó. Những biện pháp này không nhất thiết loại bỏ được các rủi ro và tác động bất lợi đã xác định mà thay vào đó, bù đắp lại bằng những tác động tích cực tương đương. Bù đắp môi trường là một phương pháp hiệu quả về mặt chi phí nhằm đảm bảo đền bù khi xảy ra thiệt hại. Phải tuân thủ một trình tự khi bù đắp môi trường. Đó là **Phục hồi, Tạo dựng, Cải thiện và Bảo tồn** (hai biện pháp cuối đặc biệt liên quan đến các môi trường sống có nguy cơ biến mất/suy thoái).

GN27.3. Nếu như đánh giá môi trường và xã hội đề xuất cho dự án một địa điểm, thiết kế hoặc công nghệ có rủi ro và tác động môi trường và xã hội cao hơn so với các phương án khác khả thi về mặt kỹ thuật và/hoặc tài chính, thì căn cứ và quyết định lựa chọn đề xuất đó phải được ghi thành văn bản trong đánh giá môi trường và xã hội, ví dụ, thông qua một phân tích chi phí – lợi ích kinh tế.

28. Đánh giá môi trường và xã hội thực hiện trên cơ sở kết quả xác định phạm vi các vấn đề sẽ phải cân nhắc mọi rủi ro, ảnh hưởng môi trường và xã hội liên quan của dự án, như:

(a) Những rủi ro và tác động môi trường, bao gồm: (i) những nội dung quy định tại EHS; (ii) những nội dung liên quan đến an toàn của cộng đồng (bao gồm an toàn đập, sử dụng an toàn hóa chất bảo vệ thực vật); (iii) những nội dung liên quan đến biến đổi khí hậu và các rủi ro và tác động xuyên biên giới hay toàn cầu khác; (iv) các mối đe dọa vật chất đối với khả năng bảo vệ, bảo tồn, duy trì, phục hồi môi trường sống tự nhiên và đa dạng sinh học; (v) những nội dung liên quan đến các dịch vụ sinh thái,²⁷ hoạt động sử dụng các tài nguyên sống như thủy sản hay lâm sản;

(b) Những rủi ro, tác động môi trường và xã hội sau: (i) các mối đe dọa an ninh của con người do leo thang xung đột giữa cá nhân, cộng đồng, quốc gia, gia tăng tội phạm hoặc bạo lực; (ii) nguy cơ tác động của dự án phân bổ không đồng đều cho các cá nhân, nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế; hoặc dễ bị tổn thương;²⁸ (iii) các định kiến, hành vi phân biệt đối xử đối với cá nhân, tập thể về khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển, lợi ích dự án, đặc biệt là trường hợp những đối tượng khó khăn, yếu thế hoặc dễ bị tổn thương; (iv) các tác động tiêu cực về kinh tế, môi trường và xã hội liên quan đến hoạt động thu hồi đất không tự nguyện hoặc hạn chế sử dụng đất; (v) các rủi ro và tác động liên quan đến quyền quản lý, sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên,²⁹ trong đó có tác động của dự án (tùy trường hợp) đến mô hình sử dụng đất, cơ chế quản lý, sử dụng tại địa phương, khả năng tiếp cận đất, quỹ đất, an ninh lương thực, giá trị đất đai, các rủi ro liên quan đến các xung đột, tranh giành về đất, tài nguyên thiên nhiên; (vi) các ảnh hưởng đến sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của người lao động và các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án; (vii) rủi ro đối với di sản văn hóa.

Chú thích số 27. Các dịch vụ sinh thái là những lợi ích con người khai thác được từ các hệ sinh thái. Các dịch vụ sinh thái được chia thành 4 nhóm: (i) dịch vụ cấp dưỡng, là những sản phẩm mà con người có được nhờ các hệ sinh thái như lương thực, nước ngọt, gỗ, sợi, thảo dược; (ii) dịch vụ điều tiết, là những lợi ích con người có được nhờ quá trình điều tiết các quá trình sinh thái như các quá trình làm sạch nước mặt, tích trữ và thu nhận cacbon, điều hòa khí hậu, phòng chống thiên tai; (iii) dịch vụ văn hóa, là những dịch vụ phi vật chất mà con người có được nhờ hệ sinh thái như các khu vực tự nhiên được coi là những nơi linh thiêng hay có giá trị về giải trí, mỹ quan; (iv) các dịch vụ hỗ trợ, là những quá trình tự nhiên có vai trò duy trì các dịch vụ khác như quá trình hình thành đất, chu trình dinh dưỡng và sản xuất sơ cấp.

Chú thích số 28. Khó khăn hay dễ bị tổn thương là những người có khả năng bị ảnh hưởng bất lợi từ các tác động của dự án và/hoặc bị hạn chế hơn người khác trong khả năng tận dụng các lợi ích của dự án. Những cá nhân, nhóm cá nhân này cũng dễ bị gạt ra ngoài lề hay không được tham gia đầy đủ vào quy trình tham vấn chính thức, vì vậy có thể cần đến những biện pháp, hình thức hỗ trợ riêng để họ được tham gia đầy đủ. Sẽ xem xét các yếu tố tuổi tác thường liên quan đến người già và vị thành niên, bao gồm cả những hoàn cảnh khiến những đối tượng này bị li tán khỏi

gia đình, cộng đồng hay những người khác chu cấp cuộc sống chonhững người này.

Chú thích số 29. Do sự phức tạp của vấn đề quyền quản lý, sử dụng đất và tài nguyên thiên nhiên trong nhiều bối cảnh và tầm quan trọng của việc phải có quyền về sinh kế, cần đánh giá và thiết kế cẩn thận để đảm bảo các dự án không vô ý hủy hoại những quyền hợp pháp hiện có (bao gồm quyền tập thể, quyền được trợ cấp và các quyền của phụ nữ) hoặc có những hậu quả không mong muốn khác, đặc biệt khi dự án hỗ trợ làm giấy tờ sở hữu đất đai và các vấn đề liên quan. Trong những bối cảnh đó, Bên vay tối thiểu sẽ thể hiện cho NHTG thấy thỏa mãn là các luật và quy trình được áp dụng cùng với các yếu tố thiết kế của dự án (a) cung cấp những quy định rõ ràng và đầy đủ cho việc công nhận các quyền sở hữu đất liên quan; (b) xác lập những tiêu chí công bằng và có thể thực hiện, các quy trình minh bạch và có sự tham gia để giải quyết các thắc mắc về quyền quản lý cạnh tranh khác nhau; và (c) bao gồm nỗ lực thực sự thông tin đến những người bị ảnh hưởng về các quyền của họ và cung cấp tư vấn một cách công bằng.

GN28.1. Trong đánh giá môi trường và xã hội, Bên vay cần xem xét một cách thích hợp toàn bộ phạm vi của các rủi ro và tác động có thể xảy ra liên quan đến dự án. Một mặt, Bên vay phải cân nhắc các rủi ro và tác động đã xác định trong Khoản 28 và trong các TCMTXH 2 – 10; mặt khác, thông qua đánh giá môi trường và xã hội, Bên vay phải xác định quy mô dự án để nhận diện những rủi ro và tác động không được nhắc đến trong các TCMTXH 1 – 10 nhưng có thể mang tính đặc thù đối với dự án. Phụ lục 1 của TCMTXH này mô tả chi tiết cách thực hiện, các phương pháp và công cụ sử dụng cho đánh giá môi trường và xã hội.

GN28.2. Xác định quy mô dự án giúp xác định mức độ và tính chất phức tạp của các rủi ro và tác động môi trường và xã hội, cũng như đặc điểm kinh tế xã hội của người dân trong vùng dự án.

GN28.3. Với những dự án có kết quả xác định quy mô ban đầu cho thấy những tác động bất lợi lớn đến môi trường và xã hội, đánh giá môi trường và xã hội cần tập trung xây dựng dữ liệu cơ sở thích hợp, xác định và phân tích tác động, và đề ra các biện pháp giảm thiểu thích hợp. Khi thu thập dữ liệu cơ sở, cần mô tả các điều kiện hiện tại có liên quan, ví dụ, điều kiện tự nhiên, sinh thái, kinh tế xã hội và văn hóa thực thể. Xét từ phương diện kinh tế xã hội, Bên vay cần chắc chắn rằng thông tin cơ sở là những thông tin chính xác và mới nhất, vì những diễn biến này thay đổi nhanh chóng, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu xã hội, ví dụ, người di cư đến vùng dự án do kỳ vọng vào dự án hoặc thiếu dữ liệu về các nhóm dân có hoàn cảnh bất lợi và dễ bị tổn thương trong cộng đồng. Các nghiên cứu kinh tế xã hội do Bên vay thực hiện có thể được sử dụng để: (a) hiểu rõ đặc điểm và các động lực xã hội ở vùng dự án; (b) xác định điều kiện hiện trạng của những người bị ảnh hưởng bởi dự án; (c) xác định các tình huống có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án, bao gồm những mâu thuẫn tiềm ẩn; và (d) xác định cơ hội tăng cường các lợi ích phát triển của dự án.

GN28.4. Bất kỳ hạn chế nào về mặt dữ liệu, ví dụ, phạm vi và chất lượng của dữ liệu có sẵn, các giả định hay những khoảng trống dữ liệu quan trọng đều phải được xác định và ghi chép rõ ràng. Nếu dự án xác định được các yếu tố, khía cạnh, công trình cụ thể có khả năng gây tác động thì nhất thiết phải thu thập và phân tích chi tiết thông tin và dữ liệu cơ sở về môi trường và xã hội nhằm xác định phạm vi ảnh hưởng của dự án, và mô tả các điều kiện tự nhiên, sinh học, sinh thái, kinh tế xã hội, sức khỏe và lao động, kể cả những biến động dự đoán cho tương lai (bao gồm những thay đổi dự kiến về điều kiện khí hậu và môi trường do ảnh hưởng lớn tiềm ẩn từ

biến đổi khí hậu hoặc những biến động cần đến các biện pháp thích ứng trong toàn bộ vòng đời của dự án), cùng với các hoạt động phát triển đang diễn ra hoặc đang được đề xuất triển khai trong vùng dự án nói chung nhưng không có liên quan trực tiếp đến dự án. Giai đoạn thu thập thông tin cơ sở rất quan trọng và thường là một bước cần thiết để có thể xác định những rủi ro và tác động tiềm tàng của dự án. Nếu giai đoạn xác định quy mô ban đầu kết luận rằng dự án sẽ không gây ra hoặc chỉ gây ra những tác động và rủi ro tối thiểu, Bên vay phải có báo cáo ghi chép quy trình phân tích và kết luận đó.

29. Khi đánh giá môi trường và xã hội của dự án phát hiện thấy những cá nhân hoặc cộng đồng yếu thế, dễ bị tổn thương, Bên vay sẽ đề xuất và thực hiện các biện pháp phân tán tác động, sao cho các ảnh hưởng bất lợi không tập trung nhiều vào những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương cũng như những đối tượng này không bị thiệt thòi khi chia sẻ các lợi ích, cơ hội phát triển có được từ dự án.

GN29.1. Bên vay cần thiết kế các dự án trên cơ sở không loại trừ ai, nghĩa là tất cả các bên bị ảnh hưởng bởi dự án đều được hưởng lợi ích của dự án một cách công bằng. Khoản 29 trình bày các cách thực hiện biện pháp tiếp cận có tính bao trùm này, qua đó thừa nhận rằng một số cá nhân hoặc nhóm người có thể chịu tác động bất lợi từ dự án nhiều hơn những người khác do điều kiện đặc biệt của họ. Trong quá trình xác định rủi ro và tác động, cần sử dụng các phương pháp phát triển xã hội được chấp nhận để xác định các cá nhân hoặc nhóm người có hoàn cảnh khó khăn hoặc dễ bị tổn thương trong số các bên bị ảnh hưởng bởi dự án, và thu thập số liệu phân tích, nếu có thể. Bên vay cần đánh giá các tác động tiềm tàng, bao gồm các tác động mang tính khu biệt, đối với các cá nhân và nhóm người này, và tham vấn với họ để đề xuất các biện pháp cụ thể, tách bạch nếu có thể, nhằm giảm thiểu những rủi ro và tác động tiềm ẩn.

30. Đối với các dự án có nhiều tiểu dự án nhỏ³⁰ được xác định và chuẩn bị trong quá trình dự án thì Bên vay phải thực hiện đánh giá môi trường và xã hội phù hợp cho các tiểu dự án và chuẩn bị và thực hiện những tiểu dự án đó như sau:

(a) Các tiểu dự án có *Rủi ro cao* theo các TCMTXH;

(b) Các tiểu dự án có *Rủi ro đáng kể*, *Rủi ro trung bình*, *Rủi ro thấp*, theo luật pháp của quốc gia và yêu cầu của các TCMTXH mà NHTG cho rằng phù hợp với tiểu dự án.³¹

Chú thích số 30. Khoản 30 đến 31 áp dụng cho dự án được NHTG hỗ trợ có nhiều tiểu dự án nhỏ, như trường hợp các dự án phát triển cộng đồng, dự án có sử dụng vốn đối ứng, hoặc các dự án tương tự được NHTG thiết kế. Những điều khoản này không áp dụng cho các tiểu dự án TGTC được đề cập đến trong TCMTXH9.

Chú thích số 31. Khi các tiểu dự án không có hoặc có rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiêu cực rất nhỏ, những tiểu dự án đó không phải tiến hành đánh giá rủi ro và tác động môi trường sau bước sàng lọc dự án ban đầu.

31. Nếu mức rủi ro của tiểu dự án tăng thì Bên vay sẽ áp dụng các quy định liên quan của các TCMTXH³² đồng thời Kế hoạch Cam kết MTXH sẽ được cập nhật một cách tương ứng.

Chú thích số 32. 'Các yêu cầu của TCMTXH' sẽ liên quan đến những lý do khiến mức phân hạng rủi ro tăng.

32. Khi đánh giá môi trường và xã hội cũng phải xác định, xem xét hợp lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của các công trình, dự án liên quan. Bên vay phải xử trí các rủi ro và tác động của các công trình, dự án liên quan tương ứng với mức độ kiểm soát hay ảnh hưởng của Bên vay đối với những công trình, dự án liên quan này. Trường hợp Bên vay không thể kiểm soát hay không có ảnh hưởng đến những công trình, dự án liên quan theo yêu cầu của các TCMTXH thì đánh giá môi trường và xã hội sẽ phải xác định những rủi ro và tác động của công trình, dự án liên quan đối với dự án.

33. Đối với những dự án có *Rủi ro cao* hay còn bất đồng, hoặc những dự án có mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội đa chiều nghiêm trọng thì Bên vay có thể sẽ phải sử dụng một hay một số chuyên gia quốc tế độc lập có uy tín. Tùy từng dự án, những chuyên gia này sẽ tham gia vào ban cố vấn hay được Bên vay bổ nhiệm chức vụ khác để thực hiện tư vấn, giám sát độc lập dự án.³³

Chú thích số 33. Yêu cầu này liên quan đến tư vấn và giám sát độc lập của những dự án đó và không liên quan đến các trường hợp khi Bên vay sẽ được yêu cầu sử dụng chuyên gia độc lập để thực hiện đánh giá môi trường và xã hội như được nêu trong Khoản 25.

GN 33.1. Khoản 33 đề cập đến sự tham gia của các chuyên gia quốc tế độc lập trong những trường hợp dự án cần có những khuyến nghị mang tính độc lập hơn. Ngân hàng và Bên vay sẽ làm việc để cùng thống nhất về hình thức thực hiện, đề cương tham chiếu và các yêu cầu chuyên môn và năng lực cho nhiệm vụ tư vấn và giám sát độc lập đó. Tính “độc lập” được định nghĩa ở Khoản GN25.2.

34. Đánh giá môi trường và xã hội cũng sẽ cân nhắc những rủi ro và tác động liên quan đến các nhà cung cấp chính³⁴ như yêu cầu trong TCMTXH2 và TCMTXH6. Bên vay sẽ tiến hành đánh giá những rủi ro và tác động này phù hợp với sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng của mình đối với các nhà cung cấp chính như được nêu trong TCMTXH2 và TCMTXH6.

Chú thích số 34. Nhà cung cấp chính là những đơn vị cung cấp thường xuyên cung cấp trực tiếp các hàng hóa, vật tư thiết yếu của dự án để dự án thực hiện các chức năng chính của mình. Chức năng chính của dự án bao gồm các quy trình sản xuất, dịch vụ thiết yếu đối với hoạt động cụ thể của dự án, mà nếu không có thì dự án sẽ không thể tiếp tục.

GN34.1. Quy định ở Khoản 34 về các nhà cung cấp chính được áp dụng cho các quan hệ hợp đồng đang triển khai, gia hạn giữa dự án với nhà cung cấp, thông qua đó Bên vay có thể tạo ảnh hưởng đến các thông lệ hoạt động của nhà cung cấp. Đánh giá môi trường và xã hội cần cân nhắc tính chất và các nguồn có thể cung cấp hàng hóa, vật tư cần thiết cho các hoạt động trọng yếu của dự án, ví dụ, gỗ làm đường ray xe lửa, sỏi và nhựa đường để làm đường giao thông.

GN34.2. Các nhà cung cấp chính có liên quan đến vấn đề lao động và đa dạng sinh học được đề cập đến trong TCMTXH2 (Khoản 27 đến 29), TCMTXH6 (Khoản 30) và các Tài liệu Hướng dẫn kèm theo.

35. Đánh giá môi trường và xã hội cần cân nhắc đến các rủi ro và tác động xuyên biên giới hoặc toàn cầu có thể liên quan đến dự án như ảnh hưởng từ các dòng chảy và sự phát thải, tăng sử dụng hay gây ô nhiễm đường thủy quốc tế, phát thải các chất gây ô nhiễm khí hậu có thời

giảm lưu trữ ngắn hạn hay dài³⁵, các vấn đề về giảm nhiệt độ, điều chỉnh và thích ứng với biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đối với các loài di cư bị đe dọa tuyệt chủng hay cạn kiệt và môi trường sống của các loài này.

Chú thích số 35. Bao gồm tất cả các loại khí nhà kính (GHG) và cacbon đen (BC).

GN35.1. Tác động xuyên biên giới là tác động vượt khỏi biên giới của quốc gia nơi đặt dự án, nhưng về bản chất, tác động xuyên biên giới không nhất thiết phải là tác động toàn cầu. Ví dụ, ô nhiễm không khí hoặc ô nhiễm nước có thể lan rộng đến vùng khí quyển hoặc lưu vực của các quốc gia lân cận, hay ô nhiễm trên các dòng chảy xuyên biên giới và các dòng sông quốc tế.

C. Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội

36. Bên vay sẽ lập và thực hiện KH CKMTXH, trong đó nêu rõ các biện pháp và hành động cần thiết để dự án đáp ứng được yêu cầu của các TCMTXH theo mốc thời gian cụ thể.³⁶ KH CKMTXH phải có sự nhất trí của NHTG và sẽ hợp thành một phần nội dung của thỏa thuận pháp lý. Bản dự thảo KH CKMTXH sẽ được công khai sớm nhất có thể và trước khi thẩm định dự án.

Chú thích số 36. NHTG sẽ hỗ trợ Bên vay xác định các phương pháp và công cụ thích hợp cho đánh giá và quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án cũng như xây dựng KH CKMTXH.

37. KH CKMTXH sẽ cân nhắc kết quả đánh giá môi trường và xã hội, kết quả rà soát tính tuân thủ về môi trường và xã hội do NHTG thực hiện và kết quả tham vấn với các bên liên quan. Đây sẽ là bản tổng hợp chính xác về các biện pháp và hành động cần áp dụng để phòng tránh, giảm thiểu, giảm trừ, làm dịu bớt các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án.³⁷ Ngày hoàn thành từng hành động phải ghi rõ trong KH CKMTXH.

Chú thích số 37. Bao gồm các biện pháp và hành động đã được xây dựng từ trước để giảm nhẹ giảm thiểu và cải thiện hiệu quả thực hiện; những hành động có thể hoàn thành trước khi được Ban Giám đốc NHTG chấp thuận; những giải pháp phải thực hiện theo quy định của luật và các quy định trong nước đáp ứng yêu cầu của các TCMTXH; những giải pháp để giảm thiểu các hạn chế trong khung pháp lý MTXH của Bên vay; những hành động khác được cho là cần thiết để dự án bảo đảm tuân thủ các TCMTXH. Các hạn chế sẽ được đánh giá căn cứ vào những yêu cầu cần thiết theo TCMTXH tương ứng.

38. Sau khi đã thống nhất được quy trình chung,³⁸ KH CKMTXH sẽ bao gồm mọi biện pháp và hành động đã được Bên vay nhất trí để tạo điều kiện cho dự án được triển khai quy trình chung.

Chú thích số 38. Xem Khoản 9.

GN38.1. Phụ lục 2 của TCMTXH1 mô tả cụ thể những nội dung gợi ý cho KH CKMTXH, ví dụ, các kế hoạch và biện pháp, thông tin về chi phí, nguồn vốn, khung thời gian, vai trò và trách nhiệm của các bên.

39. KH CKMTXH sẽ nêu rõ quy trình cho phép quản lý linh hoạt các thay đổi trong dự án hay các tình huống không lường trước. Trong quy trình sẽ nêu rõ những thay đổi, tình huống đó sẽ được xử trí, báo cáo ra sao, cũng như những điều chỉnh cần thiết đối với các KH CKMTXH và các công cụ quản lý liên quan cần thực hiện.

GN39.1. Xác định quy mô hoặc các giả định khác (xuất phát từ kinh nghiệm) về dự án và các rủi ro, tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án là cơ sở để thực hiện đánh giá môi trường và xã hội, và đề xuất các biện pháp giảm thiểu. Trong suốt vòng đời dự án, có thể xảy ra nhiều thay đổi do sự biến động trong môi trường tự nhiên hay xã hội, hoặc do các thách thức không lường trước được trong quá trình thực hiện (ví dụ, một biện pháp giảm thiểu có thể không đem lại hiệu quả như dự kiến), hoặc xuất hiện thông tin mới, rủi ro hay tác động mới trong quá trình thực hiện dự án.

GN39.2. Quản lý thích ứng là một cách tiếp cận có tính hệ thống nhằm cải thiện quản lý dựa vào việc rút kinh nghiệm từ các tác động của dự án và những thông tin mới. Cách tiếp cận này tập trung vào việc học hỏi và thích ứng, và có thể áp dụng để ứng phó với các thay đổi hoặc tình huống không lường trước trong dự án. Ví dụ, cách tiếp cận quản lý thích ứng sẽ lồng ghép các quy trình giám sát các biện pháp giảm thiểu môi trường và xã hội, so sánh với các kết quả tác động dự kiến, từ đó phát hiện những thay đổi và rút kinh nghiệm để quyết định điều chỉnh các kết quả tác động của dự án cho sát với các mục tiêu của TCMTXH. Về thiết kế, các quy trình quản lý thích ứng có tính linh hoạt và lặp lại, và có thể hỗ trợ việc giám sát, sửa đổi, điều chỉnh một cách có hệ thống. Ngay từ khi chuẩn bị dự án, nên xác định các cơ chế rút kinh nghiệm và thích ứng để đưa vào KH CKMTXH.

40. Bên vay sẽ tích cực triển khai các biện pháp và hành động nêu trong KH CKMTXH theo mốc thời gian đã định, đồng thời đánh giá tình hình thực hiện KH CKMTXH trong quá trình giám sát, báo cáo.³⁹

Chú thích số 39. Xem Mục D.

41. KH CKMTXH sẽ mô tả một số công cụ quản lý⁴⁰ mà Bên vay sẽ sử dụng để xây dựng và thực hiện các biện pháp và hành động đã thống nhất. Tùy từng trường hợp, những công cụ quản lý này bao gồm các Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội, Khung quản lý môi trường và xã hội, Quy chế hoạt động, Sổ tay hoạt động, cơ chế, quy trình và phương thức quản lý và đầu tư cơ bản. Mọi công cụ quản lý đều phải áp dụng quyết tâm về trình tự giảm thiểu, đồng thời kết hợp với các giải pháp khác để bảo đảm dự án tuân thủ các luật và quy định, các TCMTXH⁴¹ theo KHCKMTXH trong suốt chu trình dự án.

Chú thích số 40. Mức độ chi tiết và phức tạp của các công cụ quản lý phải tương ứng với mức độ rủi ro và các tác động của dự án, với các biện pháp và hành động được xác định để xử lý các rủi ro và tác động đó. Nội dung này sẽ tính đến kinh nghiệm và năng lực của các bên tham gia dự án như các đơn vị thực hiện, các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án, các bên khác quan tâm đến dự án với mục đích hỗ trợ nâng cao chất lượng thực hiện công tác môi trường và xã hội.

Chú thích số 41. Bao gồm GIIP liên quan.

42. Các công cụ quản lý sẽ xác định các kết quả dự kiến theo cách có thể đo đếm được trong khả năng (như đối chiếu với điều kiện nền), kèm theo các nội dung như chỉ tiêu và chỉ số kết quả có thể theo dõi được trong khoảng thời gian xác định.

GN42.1. Xem các Khoản từ 45 đến 50 của TCMTXH1 về Giám sát và Báo cáo Dự án.

43. Nhận thức được tính linh hoạt của quy trình xây dựng và thực hiện dự án, các công cụ

quản lý sẽ có cách tiếp cận dài hạn, gồm nhiều giai đoạn, và được thiết kế sao cho thích ứng được với những thay đổi về bối cảnh dự án, những tình huống không lường trước, các thay đổi về thể chế, kết quả giám sát, đánh giá.

44. Bên vay phải thông báo ngay cho NHTG mọi thay đổi của đề xuất về phạm vi, thiết kế, thực hiện hay vận hành dự án có khả năng dẫn đến thay đổi đáng kể những rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án. Nếu cần, Bên vay sẽ tiến hành đánh giá bổ sung, tham vấn các bên liên quan theo quy định của các TCMTXH, căn cứ vào kết quả đánh giá, tham vấn đưa ra đề xuất sửa đổi KH CKMTXH và các công cụ quản lý liên quan trình NHTG phê duyệt. Bản KH CKMTXH cập nhật sẽ được công bố công khai.

GN44.1. Khác với quy trình quản lý thích ứng đề cập trong Khoản 39, Khoản này đề cập đến những trường hợp khi một thay đổi trong dự án có thể gây thêm các tác động bất lợi. Ví dụ, Bên vay muốn lấy thêm đất cho dự án, do đó làm tăng yêu cầu tái định cư, hoặc Bên vay muốn tăng công suất nhà máy điện. Trong những trường hợp đó, Bên vay phải thực hiện một quy trình bổ sung để có sự tham gia ủng hộ của các bên liên quan, theo quy định ở Khoản 53, và phải thông báo cho Ngân hàng biết điều đó.

D. Giám sát và Báo cáo Dự án

45. Bên vay sẽ giám sát và đo đếm kết quả thực hiện công tác môi trường và xã hội của dự án theo thỏa thuận pháp lý (trong đó có KH CKMTXH). Mức độ giám sát sẽ được thống nhất trước với NHTG và phụ thuộc vào tính chất dự án, mức độ rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án cũng như các yêu cầu về tuân thủ. Bên vay sẽ đảm bảo bố trí cơ chế, cơ sở, nhân lực đầy đủ để thực hiện giám sát. Nếu cần như đã nêu trong KH CKMTXH, Bên vay phải huy động các bên liên quan và bên thứ ba như chuyên gia độc lập, cộng đồng địa phương hay các NGO để tăng cường hay xác nhận kết quả của các hoạt động giám sát của mình. Nếu có đơn vị hay bên thứ ba tham gia quản lý những rủi ro và tác động đặc thù và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ thì Bên vay sẽ phối hợp với những đơn vị và bên thứ ba đó để thiết lập và giám sát các biện pháp giảm thiểu đó.

GN45.1. Giám sát giúp theo dõi hiệu quả môi trường và xã hội của dự án, xác định xem dự án có đạt được các kết quả tác động dự kiến và có đáp ứng các quy định môi trường và xã hội hay không, và dự án có cần thực hiện biện pháp bổ sung nào không. Phải ghi chép kết quả giám sát các biện pháp giảm thiểu nêu trong KH CKMTXH. Khoản 45 đến 50 trong TCMTXH1 mô tả các yếu tố chính và cần thiết để giám sát và báo cáo kết quả giám sát lên Ngân hàng theo hiệp định pháp lý của dự án cũng như KH CKMTXH và các TCMTXH. TCMTXH10 mô tả cách thức thông báo kết quả giám sát đến các bên liên quan trong dự án.

GN45.2. Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội của dự án (có thể là một tài liệu tách riêng hoặc ghép chung vào KH CKMTXH) nêu các mục tiêu và hình thức giám sát đối với các tác động môi trường và xã hội và các biện pháp giảm thiểu của dự án. Cần thiết lập các hệ thống giám sát, xác định nguồn lực và nhân lực, và thu thập dữ liệu cơ sở ngay từ đầu giai đoạn chuẩn bị dự án để đảm bảo hiệu quả giám sát, báo cáo và quản lý hoạt động môi trường và xã hội trong suốt dự án. Các chỉ số giám sát được lựa chọn dựa trên dữ liệu cơ sở của dự án.

GN45.3. Nếu các bên liên quan và các bên thứ ba (ví dụ, các bên bị ảnh hưởng bởi dự án) tham gia hỗ trợ giám sát, họ cần được hướng dẫn và đào tạo nếu cần thiết, để tăng năng lực tham gia giám sát.

46. Thông thường công tác giám sát sẽ bao gồm việc ghi chép thông tin để theo dõi kết quả thực hiện, thiết lập các biện pháp kiểm soát nghiệp vụ cần thiết để xác nhận và đối chiếu mức độ tuân thủ và tiến độ. Hoạt động giám sát sẽ được điều chỉnh theo hiệu quả thực tế cũng như các giải pháp được cơ quan quản lý có thẩm quyền yêu cầu áp dụng và ý kiến phản hồi của các bên liên quan như người dân địa phương. Bên vay sẽ tổng hợp các kết quả giám sát.

47. Bên vay sẽ nộp các báo cáo định kỳ theo quy định tại KH CKMTXH (với tần suất không dưới mỗi năm một lần trong mọi trường hợp) cho NHTG về kết quả giám sát. Các báo cáo đó sẽ thể hiện chính xác và khách quan kết quả thực hiện dự án, bao gồm tình hình tuân thủ KH CKMTXH và các yêu cầu của TCMTXH. Các Báo cáo đó sẽ có nội dung về các hoạt động huy động sự tham gia của các bên liên quan được thực hiện trong quá trình triển khai dự án theo quy định tại TCMTXH10. Bên vay và các đơn vị thực hiện dự án sẽ bố trí cán bộ cao cấp phụ trách việc kiểm tra báo cáo.

GN47.1. Bên vay và Ngân hàng sẽ thống nhất về hình thức, nội dung và tần suất báo cáo. Điều này có thể khác nhau tùy theo tính chất của dự án và mức độ nghiêm trọng của các rủi ro và tác động môi trường và xã hội cũng như các biện pháp giảm thiểu của dự án. Kết quả giám sát có thể được chia sẻ với các bên thứ ba tham gia thực hiện dự án và các bên bị ảnh hưởng bởi dự án, nếu thích hợp.

48. Căn cứ vào kết quả giám sát, Bên vay sẽ xác định các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa cần thiết, bổ sung vào KH CKMTXH hay công cụ quản lý tương ứng, theo phương thức được NHTG chấp thuận. Bên vay sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa đã thống nhất theo KHCKMTXH đã sửa đổi, bổ sung hay công cụ quản lý tương ứng, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp này.

49. Bên vay sẽ tạo điều kiện cho cán bộ của NHTG hay chuyên gia đại diện cho NHTG đi kiểm tra hiện trường.

50. Bên vay sẽ thông báo ngay cho NHTG mọi sự cố hoặc tai nạn liên quan đến dự án có (hoặc có khả năng) ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến môi trường, cộng đồng bị ảnh hưởng, công chúng hay công nhân. Thông báo sẽ cung cấp đầy đủ, chi tiết thông tin về sự cố hoặc tai nạn, bao gồm cả số người bị chết hay bị thương nặng nếu có. Bên vay phải lập tức có biện pháp xử lý sự cố hoặc tai nạn và ngăn ngừa sự tái diễn theo quy định của luật pháp trong nước và các TCMTXH.

E. Sự tham gia của các bên liên quan và công bố thông tin

51. Như được nêu trong TCMTXH10, Bên vay sẽ liên tục huy động sự tham gia và cung cấp thông tin đầy đủ cho các bên liên quan trong suốt chu trình của dự án theo phương thức phù hợp với nội dung vấn đề và các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án.

52. Đối với những dự án rủi ro cao và rủi ro đáng kể, Bên vay sẽ cung cấp cho NHTG và công bố thông tin tài liệu môi trường xã hội liên quan đến rủi ro và tác động môi trường và xã hội của dự án như đã thống nhất với NHTG trước khi thẩm định dự án.⁴² Các tài liệu sẽ đề cập một cách đầy đủ đến những rủi ro và tác động chính của dự án, và sẽ cung cấp chi tiết đầy đủ cho sự tham gia của các bên liên quan và quá trình ra quyết định của NHTG. Bên vay sẽ cung cấp cho NHTG và công bố thông tin tài liệu cuối cùng hoặc tài liệu cập nhật như đã được nêu trong KH CKMTXH.

Chú thích số 42. Khi thống nhất với Bên vay về những tài liệu sẽ được cung cấp và công bố thông tin trước khi thẩm định dự án và sau khi Ban Giám đốc của NHTG phê duyệt dự án, NHTG xem xét đến Khoản 51 và 52 của chính sách.

53. Nếu có thay đổi đáng kể đối với dự án làm phát sinh các rủi ro và tác động khác, đặc biệt là khi những rủi ro và tác động đó có tác động đến những đối tượng bị ảnh hưởng của dự án thì Bên vay phải cung cấp thông tin về những rủi ro và tác động đó, tiến hành tham vấn với các bên bị ảnh hưởng bởi dự án về biện pháp giảm thiểu các rủi ro và giảm thiểu tác động đó. Bên vay sẽ công bố bản KH CKMTXH cập nhật nêu rõ các biện pháp giảm thiểu.

PHỤ LỤC 1: Đánh giá Môi trường và Xã hội

A. Giới thiệu

1. Bên vay sẽ thực hiện đánh giá môi trường và xã hội để đánh giá các rủi ro, tác động môi trường và xã hội của dự án trong suốt chu trình dự án. “Đánh giá môi trường và xã hội” là một cụm từ chung chỉ quy trình phân tích và lập kế hoạch của Bên vay nhằm bảo đảm các tác động và rủi ro về môi trường và xã hội của dự án được xác định, tránh, giảm thiểu, giảm trừ hay giảm nhẹ.

2. Đánh giá môi trường và xã hội là công cụ chính để bảo đảm dự án tốt và bền vững về môi trường và xã hội; kết quả đánh giá sẽ được sử dụng để thông tin cho quá trình ra quyết định. Đánh giá môi trường và xã hội là một quy trình linh hoạt, sử dụng nhiều công cụ và phương pháp tùy theo nội dung dự án và hoàn cảnh của Bên vay (xem Khoản 5 dưới đây).

3. Đánh giá môi trường và xã hội được thực hiện theo quy định của TCMTXH1 và sẽ xem xét tổng hợp mọi rủi ro và các tác động môi trường và xã hội trực tiếp, gián tiếp, lũy tích của dự án, trong đó có các rủi ro và tác động nêu tại các Tiêu chuẩn từ 1 đến 10. Bề rộng, chiều sâu, loại hình phân tích thực hiện trong đánh giá môi trường và xã hội sẽ phụ thuộc vào tính chất và quy mô của dự án cũng như các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng. Bên vay sẽ tiến hành đánh giá môi trường và xã hội với quy mô và mức độ chi tiết theo mức độ rủi ro và tác động tiềm tàng.¹

Chú thích số 1. Xem TCMTXH1 Phần B

4. Cách thức thực hiện đánh giá môi trường và xã hội cũng như các vấn đề phải được xử lý sẽ khác nhau giữa các dự án. Bên vay sẽ hỏi ý kiến của NHTG khi xác định quy trình thực hiện, có tính đến một số hoạt động như xác định phạm vi, huy động sự tham gia của các bên liên quan, các vấn đề môi trường và xã hội và các vấn đề đặc thù được nêu ra giữa NHTG và Bên vay. Đánh giá môi trường và xã hội cần bao quát cũng như cân nhắc sự phối hợp và tham vấn với những người bị ảnh hưởng và các bên quan tâm tới dự án, nhất là trong giai đoạn đầu, nhằm bảo đảm mọi rủi ro và tác động môi trường và xã hội đáng kể sẽ được xác định và xử lý.

5. Các phương pháp và công cụ khác nhau mà Bên vay sử dụng khi thực hiện đánh giá môi trường và xã hội và tổng hợp kết quả đánh giá, kể cả các biện pháp giảm thiểu sẽ được thực hiện sẽ phản ánh tính chất và quy mô của dự án.² Như đã trình bày trong TCMTXH1,³ những nội dung này sẽ gồm các tập hợp hay từng yếu tố riêng sau:

a. Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA)

Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) là một công cụ để xác định và đánh giá các tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của một dự án, đánh giá các phương án, thiết kế các biện pháp giảm thiểu, quản lý, giảm thiểu và giám sát phù hợp.

b. Kiểm toán môi trường và xã hội – Kiểm toán môi trường và xã hội là công cụ

để xác định tính chất và mức độ của mọi vấn đề về môi trường và xã hội trong một dự án hay hoạt động đang thực hiện. Kiểm toán sẽ xác định và giải thích căn cứ của những biện pháp và hành động thích hợp nhằm giảm nhẹ những vấn đề lo ngại, tính toán chi phí thực hiện các biện pháp và hành động, và đưa ra những kiến nghị về thời hạn thực hiện. Đối với một số dự án, đánh giá môi trường và xã hội có thể bao gồm một kiểm toán riêng về môi trường hay xã hội trong khi ở dự án khác, kiểm toán hợp thành một nội dung trong đánh giá môi trường và xã hội.

c. Đánh giá nguy cơ hay rủi ro

Đánh giá nguy cơ hay rủi ro là công cụ để xác định, phân tích và kiểm soát các nguy cơ phát sinh từ những vật liệu và tình huống nguy hiểm tại hiện trường. NHTG yêu cầu phải thực hiện đánh giá nguy cơ hay rủi ro đối với những dự án có sử dụng những vật liệu dễ cháy nổ, phản ứng mạnh, độc hại với số lượng vượt ngưỡng quy định. Với một số dự án, đánh giá môi trường và xã hội có thể bao gồm đánh giá nguy cơ hay rủi ro riêng; trong khi đó, đánh giá nguy cơ hay rủi ro hợp thành một nội dung trong đánh giá môi trường và xã hội.

d. Đánh giá tác động lũy tích

Đánh giá tác động lũy tích là công cụ để xem xét các tác động lũy tích của dự án cùng với tác động của những tình huống liên quan khác trong quá khứ, hiện tại và tương lai xác định cũng như những hoạt động không nằm trong kế hoạch nhưng có thể dự đoán sẽ phát sinh từ dự án và có thể diễn ra sau hay ở một địa điểm khác.

e. Phân tích xã hội và mâu thuẫn

Phân tích xã hội và mâu thuẫn là công cụ sử dụng để xây dựng mức độ dự án: (a) làm tăng những căng thẳng, sự bất bình đẳng vốn có trong xã hội (trong cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án và giữa những cộng đồng này với các cộng đồng khác); (b) có ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định, an ninh; (c) chịu ảnh hưởng tiêu cực từ những căng thẳng, mâu thuẫn, bất ổn vốn có, nhất là trong tình huống chiến tranh, bạo động, bất ổn dân sự.

f. Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (KH QLMTXH)

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (KH QLMTXH) là một công cụ cho biết chi tiết về:

(a) các biện pháp sẽ được thực hiện trong quá trình thực hiện và vận hành của dự án nhằm loại bỏ hay bù đắp cho những tác động môi trường và xã hội bất lợi, hoặc giảm thiểu những tác động này xuống mức chấp nhận được; (b) những hành động cần thiết để thực hiện những biện pháp này.

g. Khung quản lý môi trường và xã hội (KQLMTXH)

Khung quản lý môi trường và xã hội (KQLMTXH) là công cụ để xem xét các rủi ro và ảnh hưởng trong trường hợp trong dự án có một chương trình và/hoặc một loạt các tiểu dự án mà các rủi ro và tác động chỉ có thể đánh giá được sau khi nội dung cụ thể của chương trình hay tiểu dự án được xác định. KQLMTXH đề ra các nguyên tắc, quy tắc, hướng dẫn và quy trình đánh giá các rủi ro và tác động môi trường và xã hội. KQLMTXH trình bày các biện pháp và kế hoạch giảm thiểu, giảm nhẹ và/hoặc bù đắp các rủi ro, ảnh hưởng bất lợi, các điều kiện để tính toán và lập dự toán kinh phí thực hiện các biện pháp đó cũng như thông tin về các đơn vị có trách nhiệm xử lý rủi ro, ảnh hưởng của dự án, bao gồm năng lực quản lý rủi ro và tác động môi trường và xã hội. Khung này cũng bao gồm thông tin đầy đủ về khu vực vị trí tiểu dự án, bất kỳ những đặc tính tiềm tàng dễ bị tổn thương về môi trường

và xã hội của khu vực; và những tác động tiềm tàng có thể xảy ra và các biện pháp giảm thiểu có thể phải sử dụng.

h. Đánh giá tác động trường và Xã hội (ĐTMXH) vùng

ĐTMXH vùng là công cụ xem xét các rủi ro, tác động môi trường và xã hội, các vấn đề liên quan đến một chiến lược, chính sách, kế hoạch hay chương trình cụ thể hay một loạt các dự án, tại một vùng cụ thể (ví dụ như một khu đô thị, một lưu vực hay vùng ven biển); tính toán, so sánh các tác động giữa các phương án; đánh giá những vấn đề pháp lý và thể chế liên quan đến các rủi ro, tác động và các vấn đề; đề xuất các giải pháp chung nhằm tăng cường quản lý môi trường và xã hội cho vùng. ĐTMXH vùng đặc biệt chú trọng đến những rủi ro và tác động lũy tích tiềm tàng của nhiều hoạt động trong vùng nhưng không bao gồm các phân tích cụ thể tại từng địa phương trong dự án, do đó Bên vay phải tập hợp thông tin bổ sung.

i. ĐTMXH ngành/lĩnh vực

ĐTMXH ngành/lĩnh vực xem xét các rủi ro và tác động môi trường và xã hội, các vấn đề liên quan đến một lĩnh vực cụ thể trong một vùng hay trên toàn quốc; đánh giá và so sánh tác động giữa các phương án; đánh giá những vấn đề về pháp lý và thể chế liên quan đến các rủi ro và tác động; đề xuất các giải pháp chung nhằm tăng cường quản lý môi trường và xã hội cho khu vực đó. ĐTMXH ngành/lĩnh vực cũng đặc biệt chú trọng đến những rủi ro và tác động lũy tích tiềm tàng của nhiều hoạt động. ĐTMXH ngành/lĩnh vực có thể cần được bổ sung bằng thông tin của từng dự án và địa bàn cụ thể.

j. Đánh giá môi trường và xã hội chiến lược (ĐMXC)

Đánh giá môi trường và xã hội chiến lược (ĐMXC) là việc xem xét có hệ thống các rủi ro, tác động và vấn đề về môi trường và xã hội liên quan đến một chính sách, kế hoạch hoặc chương trình, thường là ở cấp độ quốc gia nhưng cũng có thể áp dụng cho phạm vi hẹp hơn. Quá trình đánh giá các rủi ro và tác động môi trường và xã hội bao gồm xem xét toàn bộ các rủi ro và tác động môi trường và xã hội nêu tại các TCMTXH từ 1 đến 10. ĐMXC thường không áp dụng cho địa điểm cụ thể. Vì vậy, ĐMXC thường được lập chung với các nghiên cứu riêng của các dự án, địa phương cụ thể nhằm đánh giá rủi ro và tác động của dự án.

Chú thích số 2. Những nội dung này cũng sẽ phản ánh các quy định của quốc gia mà Bên vay có thể cần áp dụng, nếu thỏa mãn yêu cầu của các TCMTXH.

Chú thích số 3. Xem TCMTXH1, Khoản 23

6. Một số nội dung của dự án có thể đòi hỏi Bên vay phải sử dụng những phương pháp, công cụ đặc thù để đánh giá, ví dụ như Kế hoạch tái định cư, Kế hoạch phục hồi sinh kế, Kế hoạch Dân tộc thiểu số, Chương trình hành động về Đa dạng sinh học, Kế hoạch quản lý di sản văn hóa và các kế hoạch khác được NHTG chấp thuận.

7. Bên vay nên tiến hành đánh giá môi trường và xã hội càng sớm càng tốt trong quá trình chuẩn bị dự án. Bên vay sẽ tham vấn NHTG càng sớm càng tốt để bảo đảm đánh giá môi trường và xã hội đáp ứng đúng các yêu cầu của TCMTXH ngay từ đầu.

8. Đánh giá tác động môi trường và xã hội sẽ được tích hợp chặt chẽ với phân tích kinh tế, tài chính, thể chế, xã hội và kỹ thuật sao cho các quan tâm về môi trường và xã hội được tính đến trong quyết định lựa chọn dự án, vị trí và thiết kế dự án. Bên vay sẽ thực hiện mọi biện pháp nhằm đảm bảo tránh xung đột lợi ích khi cá nhân hoặc tổ chức tham gia thực hiện đánh giá tác động môi trường và xã hội. Đánh giá tác động môi trường và xã hội sẽ không được thực hiện bởi tư vấn chuẩn bị thiết kế kỹ thuật, trừ phi Bên vay có thể cho thấy không tồn tại xung đột lợi ích và tư vấn đó có chuyên gia môi trường và xã hội đủ năng lực.

9. Nếu Bên vay đã lập xong toàn bộ hay một phần đánh giá môi trường và xã hội trước khi NHTG tham gia vào dự án thì đánh giá môi trường và xã hội đó sẽ phải được NHTG rà soát để bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH. Nếu cần, Bên vay sẽ được yêu cầu thực hiện các công việc bổ sung như tham vấn và công khai thông tin.

B. Năng lực thể chế

10. Đánh giá môi trường và xã hội có thể tạo điều kiện cho việc điều phối công tác môi trường và xã hội ở nước sở tại vượt phạm vi hoặc trách nhiệm của dự án, do đó khi có điều kiện thì công tác này nên được kết nối với các chiến lược và chương trình hành động khác về môi trường và xã hội, cũng như các dự án riêng lẻ. Do vậy, đánh giá môi trường và xã hội của một dự án cụ thể có thể góp phần nâng cao năng lực trong nước về quản lý môi trường và xã hội, trong đó cả Bên vay và NHTG đều được khuyến khích tận dụng tốt các cơ hội cho mục đích này.

11. Bên vay có thể đưa vào dự án một số hợp phần nhằm nâng cao năng lực pháp lý và kỹ thuật của mình để thực hiện các nhiệm vụ đánh giá môi trường và xã hội quan trọng. Nếu NHTG kết luận rằng năng lực pháp lý và kỹ thuật của Bên vay chưa đủ để thực hiện những công việc đó thì NHTG có thể yêu cầu đưa các chương trình tăng cường năng lực vào trong dự án. Nếu dự án có một hay nhiều nội dung về nâng cao năng lực thì việc thực hiện những nội dung này sẽ được giám sát và đánh giá định kỳ theo yêu cầu của TCMTXH1.

C. Quy định khác với một số dự án

12. Tùy trường hợp, đánh giá môi trường và xã hội cần xem xét các yêu cầu của OP 7.50 đối với các dự án trên đường thủy quốc tế và OP 7.60 đối với dự án thực hiện tại khu vực có tranh chấp.

D. Định hướng đề cương Báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội (ESIA)

13. Khi đánh giá tác động môi trường và xã hội là một phần của đánh giá môi trường và xã hội thì ESIA sẽ bao gồm có những nội dung sau:

(a) Tóm tắt

- Trình bày tóm tắt các kết quả chính và kiến nghị.

(b) Khung pháp lý, thể chế

- Phân tích khung pháp lý và thể chế áp dụng đối với dự án mà quá trình đánh giá môi trường và xã hội, bao gồm cả những vấn đề nêu tại TCMTXH1, Khoản 26⁴ sẽ được tiến hành trong khuôn khổ khung đó.

- So sánh khung pháp lý về môi trường và xã hội hiện hành của Bên vay với các TCMTXH và xác định điểm không tương xứng.

- Xác định và đánh giá các yêu cầu về môi trường và xã hội của các bên đồng tài trợ.

(c) Mô tả dự án

- Trình bày tóm tắt về dự án được đề xuất và bối cảnh về địa lý, môi trường và xã hội, thời gian, bao gồm cả các hoạt động đầu tư bên ngoài cần thiết (như đường ống riêng, đường vào công trình, cấp điện, cấp nước, nhà ở, nguyên vật liệu, kho chứa), và các nhà cung cấp chính của dự án.

- Thông qua việc xem xét các chi tiết của dự án, chỉ rõ yêu cầu lập kế hoạch để đáp ứng yêu cầu của các TCMTXH từ 1 đến 10.

- Cung cấp bản đồ có đủ chi tiết, thể hiện địa điểm dự án, khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi các tác động trực tiếp, gián tiếp, lũy tích của dự án.

(d) Dữ liệu nền

- Trình bày chi tiết các dữ liệu nền liên quan đến các quyết định về địa điểm, thiết kế, vận hành hay các biện pháp giảm thiểu của dự án. Nên bình luận về độ chính xác, mức độ tin cậy, nguồn dữ liệu và những thông tin về các mốc thời gian xác định, chuẩn bị và thực hiện dự án.

- Xác định và đánh giá về mức độ và chất lượng dữ liệu hiện có, những dữ liệu chính còn thiếu, các vấn đề không biết chắc khi dự báo;

- Căn cứ vào thông tin hiện có để đánh giá phạm vi của khu vực cần nghiên cứu và mô tả điều kiện tự nhiên, sinh học và kinh tế-xã hội của khu vực, kể cả những thay đổi dự báo sẽ xảy ra trước khi bắt đầu thực hiện dự án.

- Xem xét các hoạt động phát triển đang diễn ra hoặc được đề xuất tại địa bàn dự án nhưng không liên quan trực tiếp đến dự án.

(e) Rủi ro và tác động môi trường và xã hội

- Cân nhắc mọi rủi ro, ảnh hưởng môi trường và xã hội liên quan của dự án.

Điều này sẽ bao gồm các rủi ro, tác động môi trường và xã hội nêu tại các TCMTXH từ 2 đến 8 và mọi rủi ro và tác động môi trường và xã hội khác phát sinh từ tính chất, bối cảnh cụ thể của dự án, bao gồm cả những rủi ro và tác động được xác định trong TCMTXH1, Khoản 28.

(f) Biện pháp giảm thiểu

- Xác định các biện pháp giảm thiểu và những tác động tiêu cực còn tồn dư lớn do không giảm nhẹ được; đánh giá mức độ chấp nhận những ảnh hưởng tiêu cực tồn dư này nếu được.

- Xác định các biện pháp riêng để bảo đảm các ảnh hưởng bất lợi không bị phân bố không đồng đều cho các đối tượng yếu thế hoặc dễ bị tổn thương.

- Đánh giá tính khả thi của việc giảm nhẹ các tác động môi trường và xã hội; chi phí đầu tư cơ bản và chi phí thường xuyên của các biện pháp giảm thiểu được đề xuất, cũng như sự phù hợp của các biện pháp đó với điều kiện địa phương; và các yêu cầu về thể chế, tập huấn, giám sát thực hiện các biện pháp giảm thiểu đề xuất.

- Xác định những vấn đề không cần tiếp tục xử lý; giải thích lý do của quyết định này.

(g) Phân tích các phương án

- So sánh một cách có hệ thống các phương án khả thi về khu vực dự án, công nghệ, thiết kế, vận hành dự án – kể cả phương án “không có dự án” – về mặt tác động môi trường và xã hội tiềm tàng.

- Đánh giá tính khả thi của các phương án giảm nhẹ tác động môi trường và xã hội; chi phí đầu tư cơ bản và chi phí thường xuyên của các phương án giảm nhẹ cũng như sự phù hợp của các phương án với điều kiện địa phương; các yêu cầu về thể chế, tập huấn, giám sát đối với các phương án giảm thiểu.

- Đối với mỗi phương án, đánh giá định lượng các tác động môi trường và xã hội; gán giá trị kinh tế, nếu được.

(h) Các giải pháp thiết kế

- Xác định cơ sở cho việc lựa chọn thiết kế dự án, xác định các EHSR có thể áp dụng hoặc nếu đã xác định được ESHG là không áp dụng được thì nêu lý do cho việc đề xuất các mức phát thải và phương án phòng chống ô nhiễm và giảm phát thải theo GIIP.

(i) Các biện pháp và hành động chính của Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (KH CKMTXH)

- Tổng hợp các biện pháp và hành động chính cùng với khung thời gian cần thiết để dự án đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH. Nội dung này sẽ được sử dụng để lập Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (KH CKMTXH).

(j) Các Phụ lục

(i) Danh mục các cá nhân, tổ chức soạn thảo, đóng góp cho báo cáo đánh giá môi trường và xã hội.

(ii) Tài liệu tham khảo – liệt kê các tài liệu, kể cả các tài liệu công bố hoặc chưa công bố được sử dụng khi lập báo cáo.

(iii) Biên bản họp, biên bản tham vấn, phiếu điều tra các bên liên quan, cả với những đối tượng bị ảnh hưởng và các bên có quan tâm. Các biên bản này thể hiện cách thức được áp dụng nhằm huy động sự tham gia của các bên liên quan để thu thập ý kiến của những người bị ảnh hưởng và các bên liên quan

khác.

(iv) Bảng biểu thể hiện các số liệu được đề cập hay tóm tắt trong phần nội dung chính.

(v) Danh mục các báo cáo, kế hoạch liên quan.

Chú thích số 4. TCMTXH1, Khoản 26, quy định đánh giá môi trường và xã hội cần cân nhắc hợp lý mọi vấn đề liên quan đến dự án, bao gồm: (a) khung chính sách liên quan của quốc gia, các luật và quy định, năng lực thể chế (kể cả thực hiện) liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội; những thay đổi trong tình hình quốc gia, bối cảnh dự án; các nghiên cứu môi trường và xã hội trong nước; các chương trình hành động môi trường và xã hội trong nước; các nghĩa vụ của quốc gia liên quan trực tiếp đến dự án theo các hiệp ước, hiệp định quốc tế liên quan; (b) các quy định liên quan theo các TCMTXH; (c) các EHS, GIIP khác liên quan.

E. Đề cương Kế hoạch Quản lý môi trường xã hội

14. KH QLMTXH bao gồm một loạt các biện pháp giảm thiểu, giám sát, thể chế sẽ áp dụng trong quá trình thực hiện và vận hành dự án nhằm loại bỏ các rủi ro, ảnh hưởng môi trường và xã hội bất lợi, bù đắp hay giảm thiểu chúng về mức chấp nhận được. KH QLMTXH bao gồm các biện pháp và hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp đó. Bên vay cần: (a) xác định nhóm giải pháp để xử lý các tác động bất lợi tiềm tàng; (b) xác định các yêu cầu để bảo đảm những giải pháp này được thực hiện có hiệu quả, kịp thời; (c) mô tả cách thức tiến hành để đáp ứng những yêu cầu đó.

15. Tùy từng dự án, KH QLMTXH có thể soạn thảo riêng⁵ hay lồng ghép nội dung trực tiếp vào KH CKMTXH. Nội dung chính của KH QLMTXH gồm:

(a) Giảm thiểu

KH QLMTXH xác định các biện pháp và hành động theo quy tắc về trình tự giảm thiểu để giảm nhẹ các tác động môi trường và xã hội bất lợi xuống mức chấp nhận được. Kế hoạch này sẽ bao gồm cả các biện pháp bồi thường, nếu cần. Cụ thể, KH QLMTXH sẽ:

(i) Xác định, trình bày tóm tắt toàn bộ các tác động môi trường và xã hội bất lợi đã được dự báo (kể cả các tác động đến người dân tộc thiểu số và tái định cư không tự nguyện);

(ii) Mô tả - bao gồm cả các chi tiết về kỹ thuật - từng biện pháp giảm thiểu cho loại tác động liên quan và điều kiện thực hiện (liên tục hay đột xuất), cùng với mô tả về thiết kế, trang thiết bị, quy trình thực hiện biện pháp giảm thiểu;

(iii) Đánh giá mọi tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của những biện pháp này;

(iv) Có tính đến và đảm bảo sự thống nhất với các kế hoạch giảm thiểu tác động khác của dự án (như tái định cư không tự nguyện, người dân tộc thiểu số hay di sản văn hóa).

(b) Giám sát

KH QLMTXH xác định mục tiêu giám sát và mô tả, loại hình giám sát có liên hệ đến các tác động đã được phân tích trong quá trình đánh giá môi trường và xã hội cũng như các biện pháp giảm thiểu nêu trong KH QLMTXH.⁶ Cụ thể, phần về giám sát trong KH QLMTXH sẽ trình bày: (a) mô tả cụ thể, kể cả các chi tiết về kỹ thuật, về biện pháp giám sát, trong đó có các thông số cần đo đạc, phương pháp thực hiện, vị trí lấy mẫu, tần suất đo đạc, ngưỡng phát hiện (nếu cần), định nghĩa về các mức ngưỡng cần áp dụng biện pháp khắc phục; và (b) quy trình giám sát, báo cáo nhằm (i) bảo đảm phát hiện sớm những tình huống đòi hỏi phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu đặc thù, (ii) cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả giảm thiểu.

(c) Tập huấn, nâng cao năng lực

- Để hỗ trợ thực hiện kịp thời và hiệu quả các hợp phần và các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và xã hội của dự án, KH QLMTXH sẽ khai thác kết quả đánh giá môi trường và xã hội để nắm được về sự hiện hữu, vai trò, năng lực của các bên có trách nhiệm tại địa bàn hay trực thuộc các ban ngành liên quan.

- Cụ thể, KH QLMTXH sẽ trình bày chi tiết về cơ cấu tổ chức, xác định bên nào chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu và giám sát (như vận hành, giám sát, thực thi, giám sát thực hiện, biện pháp khắc phục, tài chính, báo cáo, tập huấn cho nhân viên).

- Để nâng cao năng lực quản lý môi trường và xã hội cho các đơn vị thực hiện, KH QLMTXH khuyến cáo thành lập hay mở rộng cơ cấu của các tổ chức có trách nhiệm, tập huấn cho cán bộ và các biện pháp cần thiết khác để hỗ trợ thực hiện các biện pháp giảm thiểu cùng với các đề xuất khác về đánh giá môi trường và xã hội.

(d) Kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí

- Về cả 3 nội dung (giảm nhẹ, giám sát, nâng cao năng lực), KH QLMTXH cho biết (a) tiến độ triển khai các biện pháp mà dự án phải thực hiện, trong đó trình bày rõ các giai đoạn, sự phối hợp với kế hoạch triển khai dự án chung; (b) dự toán chi phí đầu tư cơ bản và chi phí thường xuyên, nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch KH QLMTXH. Các số liệu này cũng được đưa vào các bảng biểu tổng dự toán của dự án.

(e) Lồng ghép KH QLMTXH vào dự án

- Quyết định thực hiện dự án của Bên vay và quyết định tài trợ dự án của NHTG được khẳng định phần nào dựa trên tính toán rằng KH QLMTXH (dù lập riêng hay lồng ghép vào KH CKMTXH) sẽ được triển khai hiệu quả. Do vậy, từng biện pháp và hành động sẽ thực hiện sẽ được trình bày rõ, kể cả từng biện pháp, hành động giảm thiểu và giám sát, nhiệm vụ của các đơn vị cùng với kinh phí cần thiết để thực hiện các biện pháp và hành động đó sẽ được lồng ghép vào các kế hoạch chung, thiết kế, dự toán và thực hiện dự án.

Chú thích số 5. Đặc biệt cần thiết nếu Bên vay sử dụng nhà thầu, trong khi KH QLMTXH đề ra các quy định nhà thầu phải áp dụng. Trường hợp này, đưa KH QLMTXH thành một phần trong hợp đồng giữa Bên vay và nhà thầu cùng với các điều khoản liên quan về giám sát và thực hiện.

Chú thích số 6. Quy trình giám sát trong quá trình triển khai dự án sẽ cung cấp thông tin về những nội dung môi trường và xã hội chính của dự án, đặc biệt là các tác động môi trường và xã hội của dự án, cũng như hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu. Thông tin này tạo điều kiện cho Bên vay và NHTG đánh giá mức độ thành công của các biện pháp giảm thiểu trong quy trình giám sát dự án, đồng thời cho phép thực hiện biện pháp giảm thiểu khi cần.

F. Đề cương Báo cáo Kiểm toán Môi trường Xã hội

Mục đích của việc kiểm toán là nhằm xác định những vấn đề môi trường và xã hội đáng kể trong dự án hay các hoạt động đang thực hiện, từ đó đánh giá thực trạng, đặc biệt là về khả năng đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH.

(a) Tóm tắt

- Trình bày tóm tắt các kết quả quan trọng, đề xuất các biện pháp và hành động cùng với các mốc thời gian.

(b) Khung pháp lý, thể chế

- Phân tích khung pháp lý và thể chế của các dự án hoặc các hoạt động đang thực hiện, trong đó có các vấn đề nêu tại TCMTXH1, Khoản 26, và các yêu cầu về môi trường và xã hội (nếu có) của các bên cấp vốn hiện tại.

(c) Mô tả dự án

- Mô tả tóm tắt dự án hoặc các hoạt động đang thực hiện, bối cảnh địa lý, môi trường và xã hội thời gian và các công trình, dự án liên quan.

- Xác định những kế hoạch đã có nhằm xử lý các rủi ro và tác động môi trường và xã hội (như kế hoạch thu hồi đất hay tái định cư, kế hoạch bảo vệ di sản văn hóa, kế hoạch bảo vệ đa dạng sinh học).

- Sử dụng bản đồ với đủ chi tiết thể hiện hoặc các khu vực dự án, hoạt động đang triển khai và địa điểm dự kiến của dự án mới.

(d) Các vấn đề môi trường và xã hội liên quan đến dự án, hoạt động đang triển khai

- Báo cáo sẽ cân nhắc những rủi ro và tác động chính liên quan đến dự án hay hoạt động đang triển khai. Báo cáo sẽ đề cập đến những rủi ro và tác động được xác định theo TCMTXH1 đến TCMTXH10 một cách phù hợp đối với dự án hoặc hoạt động đang được triển khai. Quá trình kiểm toán cũng sẽ xem xét những vấn đề không nêu trong các TCMTXH nếu chúng đại diện cho những rủi ro và tác động quan trọng liên quan đến tình hình dự án.

(E) Phân tích môi trường và xã hội

- Kiểm toán cũng sẽ đánh giá: (i) các tác động tiềm tàng của dự án được đề xuất (có tính đến kết quả kiểm toán liên quan đến dự án hoặc hoạt động đang triển khai); (ii) khả năng của dự án đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH.

(F) Các biện pháp môi trường và xã hội được đề xuất

- Căn cứ vào kết quả kiểm toán, phần này sẽ trình bày các biện pháp được đề xuất để xử lý những kết quả đó. Các biện pháp này sẽ được đưa vào Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (KH CKMTXH) của dự án. Nội dung này thường đề cập đến các biện pháp sau:

- Những hành động cụ thể sẽ thực hiện để đáp ứng các yêu cầu của TCMTXH
- Các biện pháp và hành động khắc phục quan đến dự án.

PHỤ LỤC 2: Kế hoạch Cam kết Môi trường và Xã hội

A. Giới thiệu

1. Bên vay sẽ thống nhất Kế hoạch cam kết môi trường và xã hội (**KH CKMTXH**) với NHTG. KH CKMTXH sẽ là một phần của thỏa thuận pháp lý. KH CKMTXH được xây dựng để tập hợp vào trong một văn bản tóm tắt trình bày các biện pháp và hành động thực tế cần thiết để dự án tuân thủ các TCMTXH trong khung thời gian xác định và thỏa mãn các yêu cầu của NHTG.

2. KH CKMTXH sẽ được lập khi có thông tin về các rủi ro, ảnh hưởng tiềm tàng của dự án. Kế hoạch này sẽ tính đến kết quả đánh giá môi trường và xã hội, kết quả rà soát của NHTG về tính tuân thủ về môi trường và xã hội, và kết quả huy động sự tham gia của các bên liên quan. KH CKMTXH sẽ được soạn thảo trong thời gian sớm nhất, thường là trong giai đoạn xác định phạm vi của dự án, và nó sẽ là một công cụ hỗ trợ việc xác định các rủi ro, ảnh hưởng môi trường và xã hội tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu. Dự thảo KH CKMTXH sẽ được công bố thông tin sớm nhất có thể, và trước khi thẩm định dự án.

B. Nội dung KH CKMTXH

3. KH CKMTXH sẽ là bản tóm tắt chính xác về các biện pháp và hành động thực tế để giải quyết các rủi ro và tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của dự án theo trình tự ưu tiên giảm thiểu. KH CKMTXH sẽ là cơ sở để giám sát việc thực hiện công tác môi trường và xã hội của dự án. Mọi yêu cầu sẽ được nêu rõ, do đó sẽ không có sự mập mờ về các vấn đề tuân thủ, thời gian, giám sát. Tùy từng dự án, trong KH CKMTXH có thể ghi kinh phí cần thiết để thực hiện một biện pháp hoặc hành động cùng với các chi tiết liên quan khác.

4. KH CKMTXH cũng sẽ bao gồm quy trình cho phép quản lý thích ứng những thay đổi hoặc những hoàn cảnh không thấy trước của dự án được đề xuất. Quy trình này sẽ đưa ra hướng dẫn về việc quản lý những thay đổi hoặc những hoàn cảnh không thấy trước đó, hướng dẫn báo cáo và bất kỳ thay đổi cần thiết sẽ được đưa vào KH CKMTXH cùng với những công cụ quản lý phù hợp.

5. KH CKMTXH cũng sẽ trình bày tóm tắt cơ cấu tổ chức Bên vay sẽ thiết lập và duy trì để thực hiện các hành động đã thống nhất trong KH CKMTXH. Cơ cấu tổ chức này sẽ xem xét các chức năng, nhiệm vụ khác nhau của Bên vay và các đơn vị thực hiện dự án, xác định nhân sự với trách nhiệm và quyền hạn cụ thể.

6. KH CKMTXH sẽ nêu tóm tắt các hoạt động tập huấn mà Bên vay sẽ thực hiện theo yêu cầu về một số hành động cụ thể được nêu trong KH CKMTXH, xác định đối tượng được tập huấn và nguồn nhân lực, tài chính cần thiết.

7. KH CKMTXH sẽ đặt ra cơ chế, nguồn lực và nhân sự mà Bên vay sẽ xác lập để thực hiện giám sát, đồng thời xác định các bên thứ ba tham gia hỗ trợ hay thẩm định hoạt động giám sát của Bên vay.

8. Nội dung của KH CKMTXH các dự án sẽ khác nhau: Với một số dự án, KH CKMTXH sẽ nêu đầy đủ mọi nghĩa vụ của Bên vay và sẽ không có yêu cầu về các kế hoạch khác. Với các dự án khác, KH CKMTXH sẽ đề cập đến các kế hoạch khác, có thể là kế hoạch đã có hay sẽ lập (như KH QLMTXH, kế hoạch tái định cư, kế hoạch quản lý chất thải độc hại) nêu ra các yêu cầu cụ thể của dự án. Trong trường hợp này, KH CKMTXH sẽ tóm tắt những nội dung chính của các kế hoạch. Nếu phải lập thêm kế hoạch, KH CKMTXH sẽ đặt ra thời gian hoàn thành các kế hoạch đó.

9. Nếu dự án áp dụng khung pháp lý về môi trường và xã hội hiện hành của Bên vay thì KH CKMTXH sẽ xác định các nội dung cụ thể trong khung pháp lý của quốc gia thì tham chiếu theo các TCMTXH tương ứng.

C. Thực hiện KH CKMTXH

10. Bên vay sẽ tích cực triển khai các biện pháp và hành động nêu trong KH CKMTXH theo mốc thời gian đã định, đồng thời kiểm tra tình hình thực hiện KH CKMTXH trong quá trình giám sát và báo cáo.¹

Chú thích số 1. Xem TCMTXH1 Phần D.

11. Bên vay sẽ duy trì trong suốt chu trình dự án cơ cấu tổ chức hiện tại (củng cố nếu cần thiết) để giám sát các nội dung môi trường và xã hội của dự án. Các trách nhiệm chính về xã hội và môi trường sẽ được nêu rõ và phổ biến đến mọi cá nhân liên quan. Các cam kết cấp cao đầy đủ, nguồn nhân lực và tài chính lực cần thiết sẽ được cung cấp thường xuyên để thực hiện KH CKMTXH.

12. Bên vay sẽ bảo đảm những người có trách nhiệm trực tiếp đối với những hoạt động liên quan đến việc thực hiện KH CKMTXH có đủ trình độ và đã được đào tạo đầy đủ để có kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc. Bên vay sẽ trực tiếp tổ chức hoặc thông qua các đơn vị thực hiện tiến hành tập huấn về một số biện pháp và hành động giải pháp đặc thù nêu trong KH CKMTXH và hỗ trợ quá trình thực hiện công tác xã hội, môi trường một cách hiệu quả và liên tục.

13. Bên vay sẽ thông báo ngay cho NHTG bất kỳ thay đổi nào trong phạm vi, thiết kế, thực hiện hoặc vận hành của dự án có thể gây thay đổi xấu về rủi ro hoặc tác động môi trường hoặc xã hội của dự án. Bên vay sẽ tiến hành đánh giá bổ sung một cách phù hợp với sự tham gia của các bên liên quan nhất quán với các TCMTXH, và đề xuất cho NHTG phê duyệt những thay đổi trong KH CKMTXH và các công cụ quản lý tương ứng một cách phù hợp theo những phát hiện của đánh giá và tham vấn bổ sung đó. Bản KH CKMTXH cập nhật sẽ được công bố thông tin.

D. Thời gian thực hiện các hoạt động dự án

14. Nếu được yêu cầu, Bên vay phải lên kế hoạch hay thực hiện một số biện pháp hoặc hành động cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định để tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ hay giảm bớt một số rủi ro, ảnh hưởng đặc thù của dự án thì Bên vay sẽ không được thực hiện bất kỳ hoạt động nào liên quan đến dự án có thể gây ra những rủi ro, ảnh hưởng môi trường và xã hội bất lợi đáng kể cho đến khi đã hoàn thành các kế hoạch, biện pháp và hành động theo KH CKMTXH, bao gồm cả việc đáp ứng các yêu cầu về tham vấn, công khai thông tin.

PHỤ LỤC 3: Quản lý Nhà thầu

Bên vay phải bảo đảm tất cả các nhà thầu tham gia dự án đều tuân thủ đúng các quy định của TCMTXH, kể cả các quy định cụ thể nêu tại KH CKMTXH. Bên vay phải quản lý tất cả các nhà thầu một cách hiệu quả, bao gồm:

- (a) Đánh giá các rủi ro và tác động môi trường và xã hội liên quan đến các hợp đồng thầu;*
- (b) Bảo đảm các nhà thầu có liên quan đến dự án đều là những doanh nghiệp có uy tín và hợp pháp, có kiến thức, trình độ để thực hiện các công việc của dự án theo đúng cam kết hợp đồng;*
- (c) Đưa tất cả các nội dung phù hợp của KH CKMTXH vào hồ sơ mời thầu;*
- (d) Dùng các điều khoản hợp đồng để yêu cầu nhà thầu phải thực hiện các nội dung liên quan của KH CKMTXH và áp dụng các công cụ quản lý phù hợp, phải thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp và hiệu quả nếu bị phát hiện không tuân thủ;*
- (e) Giám sát tình hình tuân thủ của nhà thầu theo các cam kết theo hợp đồng;*
- (f) Trường hợp có nhà thầu phụ, yêu cầu nhà thầu có thỏa thuận pháp lý tương ứng với cách thầu phụ.*

Tài liệu tham khảo

Nhiều tài liệu có thể có ích với Bên vay khi áp dụng Khung MTXH. Dưới đây là một số tài liệu tham khảo có thể hỗ trợ Bên vay thực hiện các quy định của Khung MTXH. Các tài liệu tham khảo này không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Ngân hàng Thế giới.

Nhóm Ngân hàng Thế giới

Ngân hàng Thế giới. 1991. “Environmental Assessment Sourcebook” (*Tài liệu nguồn về Đánh giá Môi trường*) Washington, DC.

———. 2011. “Stakeholder Consultations in Investment Operations.” (*Tham vấn các bên liên quan trong các hoạt động dự án đầu tư*) Washington, DC: World Bank.

<http://siteresources.worldbank.org/EXTSOCIALDEVELOPMENT/Resources/244362-1164107274725/Consultations-Note.pdf>

———. 2015. “World Bank Group Gender Strategy (FY16-23): gender equality, poverty reduction and inclusive growth.” (*Chiến lược Giới của Nhóm Ngân hàng Thế giới (Tài khóa 2016-2023): bình đẳng giới, giảm nghèo và tăng trưởng bao trùm*) Washington, DC. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/23425>

———. 2016. “Bank-Directive - Addressing Risks and Impacts on Disadvantaged or Vulnerable Individuals or Groups.” (*Chỉ thị của Ngân hàng – Giải quyết các Rủi ro và Tác động đến các cá nhân hoặc nhóm người có hoàn cảnh bất lợi hoặc dễ bị tổn thương*) Washington, DC.

<https://policies.worldbank.org/sites/ppf3/PPFDocuments/e5562765a5534ea0b7877e1e775f29d5.pdf>

———. 2017. “Loan Handbook for World Bank Borrowers.” (*Sổ tay hướng dẫn Vay vốn dành cho các Bên vay của Ngân hàng Thế giới*) Washington DC.

<http://siteresources.worldbank.org/LOANS/Resources/Disbursement09.pdf>

Tài liệu tham khảo bổ sung

Hợp tác Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương. “Policy Partnership on Women and the Economy Working Group.” (*Đối tác chính sách Nhóm công tác về Phụ nữ và Kinh tế*) <https://www.apec.org/Groups/SOM-Steering-Committee-on-Economic-and-Technical-Cooperation/Working-Groups/Policy-Partnership-on-Women-and-the-Economy>

Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ. 2010. “Operational Policy on Gender Equality in Development.” (*Chính sách hoạt động về Bình đẳng giới trong Phát triển*) Washington, DC.

———. 2017. “Meaningful Stakeholder Consultations.” (*Tham vấn hiệu quả với các bên liên quan*) Washington, DC.

Các công ước có liên quan (chưa đầy đủ)

References

- “Basel Convention on the Control of Transboundary Movements of Hazardous Wastes and their Disposal.” (*Công ước Basel về Kiểm soát Sự dịch chuyển Xuyên biên giới của Chất thải Nguy hại và Xử lý chất thải nguy hại*)
<http://www.basel.int/Portals/4/BaselConvention/docs/text/BaselConventionText-e.pdf>
- . 1960. “Convention against Discrimination in Education.” (*Công ước Chống Phân biệt đối xử trong Giáo dục*)
<http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/DiscriminationInEducation.aspx>

- Tổ chức Hàng hải Quốc tế. 1973. “International Convention for the Prevention of Pollution from Ships (MARPOL).” (*Công ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu biển MARPOL*) <http://www.mar.ist.utl.pt/mventura/Projecto-Navios-I/IMO-Conventions%28copies%29/MARPOL.pdf>
- Liên Hợp Quốc. 1949. “Convention on the Suppression of the Traffic in Persons and of the Exploitation of the Prostitution of Others” (*Công ước về Trấn áp Tội phạm Buôn người và Bóc lột Mại dâm*) <http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/TrafficInPersons.aspx>
- — —. 1965. “International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination” (ICERD). (*Công ước Quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc*) <http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CERD.aspx>
- — —. 1971. “Convention on Wetlands of International Importance especially as Waterfowl Habitat.” (*Công ước về Các vùng Đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước*) https://www.ramsar.org/sites/default/files/documents/library/scan_certified_e.pdf
- — —. 1973. “Convention on International Trade in *Endangered* Species of Wild Fauna and Flora.” (*Công ước về Thương mại quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp*) <https://www.cites.org/eng/disc/text.php>
- — —. 1979. “Convention on the Conservation of Migratory Species of Wild Animals.” (*Công ước về bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư*) <http://www.cms.int/en/convention-text>
- — —. 1979. “Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination Against Women (CEDAW).” (*Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với Phụ nữ - CEDAW*) <http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CEDAW.aspx>
- — —. 1989. “Convention on the Rights of the Child (CRC).” (*Công ước về Quyền Trẻ em*) <http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CRC.aspx>
- — —. 1989. Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới. 2013. “Marrakesh Treaty to Facilitate Access to Published Works for Persons Who Are Blind, Visually Impaired or Otherwise Print Disabled.” (*Hiệp ước Marrakesh về Tạo điều kiện tiếp cận Tác phẩm đã xuất bản cho Người mù, Người khiếm thị và Người không đọc được tài liệu in*) <http://www.wipo.int/treaties/en/ip/marrakesh/>
- — —. 1990. “International Convention for the Protection of the Rights of All Migrant Workers and Members of their Families (CMW).” (*Công ước Quốc tế về Bảo vệ Quyền của Tất cả Người di cư cùng Gia đình*) <http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CMW.aspx>
- — —. 1991. “Convention on Environmental Impact Assessment in a Transboundary Context” (*Công ước về Đánh giá Tác động Môi trường trong Bối cảnh xuyên biên giới*) https://www.unece.org/fileadmin/DAM/env/eia/documents/legaltexts/Espoo_Convention_authentic_ENG.pdf

———. 1992. “United Nations Convention on Biological Diversity.” (*Công ước Liên Hợp Quốc về Đa dạng sinh học*)

<https://www.cbd.int/convention/text/default.shtml>

———. 1992. “United Nations Framework Convention on Climate Change.” (*Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu*)

<https://unfccc.int/resource/docs/convkp/conveng.pdf>

———. 2000. “Montreal Protocol on Substances that Deplete the Ozone Layer.” (*Nghị định thư Montreal về Các chất phá hủy tầng Ozone*)

<http://ozone.unep.org/en/handbook-montreal-protocol-substances-deplete-ozone-layer/5>

- — —. 2001. “Stockholm Convention on Persistent Organic Pollutants.” (*Công ước Stockholm về Các chất hữu cơ gây ô nhiễm khó phân hủy*)
<http://chm.pops.int/TheConvention/Overview/TextoftheConvention/tabid/2232/Default.aspx>
- — —. 2005. “Rotterdam Convention on the Prior Informed Consent Procedure for Certain Hazardous Chemicals and Pesticides in International Trade.” (*Công ước Rotterdam về Thủ tục Thỏa thuận thông báo trước đối với một số hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật nguy hại trong thương mại quốc tế*)
<http://www.pic.int/TheConvention/Overview/TextoftheConvention/RotterdamConventionText/tabid/1160/language/en-US/Default.aspx>
- — —. 2006. “Convention on the Rights of Persons with Disabilities (CPRD).” (*Công ước về Quyền của Người khuyết tật*)
<http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CRPD/Pages/ConventionRightsPersonsWithDisabilities.aspx>
- — —. 2013. “Minamata Convention on Mercury.” (*Công ước Minamata về Thủy ngân*)
http://www.mercuryconvention.org/Portals/11/documents/conventionText/MinamataConventiononMercury_e.pdf

Các Tổ chức và Hiệp ước có liên quan

Hiến chương Châu Phi về Con người và Quyền con người. <http://www.achpr.org/>

Tòa án châu Phi về Con người và Quyền con người. <http://www.african-court.org/en/>

Ủy ban Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (CESCR).
<http://www.ohchr.org/en/hrbodies/cescr/pages/cescrindex.aspx>

Ủy ban Người lao động Di cư (CMW).
<http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CMW/Pages/CMWIndex.aspx>

Ủy ban về Xóa bỏ Phân biệt đối xử với Phụ nữ (CEDAW).
<http://www.ohchr.org/en/hrbodies/cedaw/pages/cedawindex.aspx>

Ủy ban Xóa bỏ phân biệt chủng tộc (CERD).
<http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CERD/Pages/CERDIndex.aspx>

Ủy ban về Quyền của Người khuyết tật (CPRD).
<http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CRPD/Pages/CRPDIndex.aspx>

Ủy ban về Quyền Trẻ em (CRC).
<http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CRC/Pages/CRCIndex.aspx>

Công ước về Ban Thư ký Đa dạng sinh học. <https://www.cbd.int/information/>

Tòa án Nhân quyền Châu Âu. <https://www.echr.coe.int/Pages/home.aspx?p=home>

Ủy ban Nhân quyền (ICCPR).
<http://www.ohchr.org/EN/HRBodies/CCPR/Pages/CCPRIndex.aspx>

Ủy ban Nhân quyền liên Mỹ. <http://www.oas.org/en/iachr/>

Tòa án Nhân quyền liên Mỹ. <http://www.corteidh.or.cr/index.php/en>

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). <http://www.ilo.org/global/publications/lang--en/index.htm>

Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO).
<http://www.imo.org/en/Publications/Pages/Home.aspx>

Văn phòng Cao ủy LHQ về Quyền con người (OHCHR).
<http://www.ohchr.org/EN/PublicationsResources/Pages/Publications.aspx>

Văn phòng Cao ủy LHQ về Người tị nạn (UNHCR).
<http://www.unhcr.org/en-us/resources-and-publications.html>

Cơ quan Phụ nữ Liên Hợp Quốc. <http://www.unwomen.org/en/digital-library/publications>

Ban Thư ký Công ước Khung của LHQ về Biến đổi khí

hậu. <https://unfccc.int/documents> Quỹ Trẻ em Liên Hợp Quốc (UNICEF).

<https://www.unicef.org/research-and-reports> Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP).

<http://www.undp.org/content/undp/en/home/library.html>

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa LHQ (UNESCO).

<http://www.unesco.org/new/en/unesco/resources/>

Chương trình Môi trường LHQ. <https://www.unenvironment.org/>

Chương trình Nông nghiệp và Lương thực LHQ (FAO).

<http://www.fao.org/publications/en/> Chương trình Định cư Con người LHQ (UN Habitat).

<https://unhabitat.org/urban-knowledge/publications/>

Tổ chức Phát triển công nghiệp LHQ (UNIDO).

<https://www.unido.org/researchers/publications>

Tổ chức Di cư Quốc tế LHQ (IOM). <http://publications.iom.int/>

Chương trình Phối hợp của LHQ về HIV/AIDS (UNAIDS).

<http://www.unaids.org/en/resources/publications/all/>

Văn phòng LHQ về Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC).

<http://www.unodc.org/unodc/en/alternative-development/publications.html>

Quỹ Dân số LHQ (UNFPA). <https://www.unfpa.org/publications>

Chương trình Lương thực Thế giới (WFP). http://www.wfp.org/policy-resources?_ga=2.178359012.1585508595.1525188081-1060565781.1525188081

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). <http://www.who.int/gho/en/>

Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO). <https://public.wmo.int/en/resources>